

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
I. Tình hình chung của Nhà trường	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	19
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	19
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	19
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác.....	23
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.....	25
Tiêu chí 1.5: Lớp học.....	31
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.....	34
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.....	36
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	39
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	41
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	42
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:	46
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	47
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.....	47
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	50
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	54
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	57
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	60
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	61
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	62
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.....	64
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.....	66
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	69
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.....	71
Tiêu chí 3.6: Thư viện.....	73

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:.....	76
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	77
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.....	78
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	80
Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....	83
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	84
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	84
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	89
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	92
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	95
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.....	99
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	102
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:.....	109
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	110
Tiêu chí: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.	110
Tiêu chí: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.	110
Tiêu chí: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.	111
Tiêu chí: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.....	112
Tiêu chí: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.....	113
Tiêu chí: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.	114
Kết luận:	115
IV. KẾT LUẬN CHUNG	115

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	BGH	Ban giám hiệu
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSVC	Cơ sở vật chất
5	DTTS	Dân tộc thiểu số
6	Đội TNTP HCM	Đội TNTP Hồ Chí Minh
7	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
8	GDNGLL	Giáo dục ngoài giờ lên lớp
9	CB	Cán bộ
10	GV	Giáo viên
11	NV	Nhân viên
12	HS	Học sinh
13	TĐG	Tự đánh giá
14	THCS	Trung học cơ sở
15	THPT	Trung học phổ thông
16	TNCS HCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
17	UBND	Ủy ban nhân dân
18	ĐHTT	Đại học Tân Trào
19	TSE	Tuyen Quang School for Excellence; Trường Phổ thông Tuyên Quang
20	SHCM	Sinh hoạt chuyên môn

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1 Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1			x	
Tiêu chí 1.2			x	
Tiêu chí 1.3		x		
Tiêu chí 1.4				x
Tiêu chí 1.5				x
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7			x	
Tiêu chí 1.8			x	
Tiêu chí 1.9			x	
Tiêu chí 1.10			x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				x
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x		

Tiêu chí 2.4				X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1				X
Tiêu chí 3.2				X
Tiêu chí 3.3				X
Tiêu chí 3.4			X	
Tiêu chí 3.5				X
Tiêu chí 3.6				X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				X
Tiêu chí 4.2				X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				X
Tiêu chí 5.2				X
Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4			X	
Tiêu chí 5.5				X
Tiêu chí 5.6		X		

Kết quả: Đạt Mức 1

1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Điều 22			
Khoản 1		x	
Khoản 2		x	
Khoản 3	x		
Khoản 4	x		
Khoản 5		x	
Khoản 6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

2. Kết luận: Đạt Mức 1

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Phổ thông Tuyên Quang

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Trường ĐHTT.

Tỉnh / thành phố	Tuyên Quang	Họ, tên Hiệu trưởng	Nguyễn Bá Đức
Huyện / quận / thị xã / thành phố	Yên Sơn	Điện Thoại	0903216482
Xã / phường / thị trấn	Trung Môn	FAX	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	http://tse.daihocantrao.edu.vn/
Năm thành lập	2019	Số điểm trường	0
Công lập	x	Có học sinh khuyết tật	0
Tư thục		Có học sinh bán trú	x
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn		Có học sinh nội trú	x
Trường liên kết với nước ngoài		Loại hình khác	0
Trường phổ thông DTNT			0

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 1	3	2
Khối lớp 2	1	2
Khối lớp 3	1	1

Khối lớp 4	1	1
Khối lớp 5	1	1
Khối lớp 6	3	2
Khối lớp 7	1	3
Khối lớp 8	1	1
Khối lớp 9	1	2
Khối lớp 10	2	2
Khối lớp 11	1	2
Khối lớp 12	0	1
Cộng	16	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Ghi chú
I	<i>Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập</i>	34	38	
1	Phòng học	16	20	
a	<i>Phòng kiên cố</i>	16	20	
b	<i>Phòng bán kiên cố</i>	-	-	
c	<i>Phòng tạm</i>	-	-	
2	Phòng học bộ môn	10	10	
a	<i>Phòng kiên cố</i>	10	10	
b	<i>Phòng bán kiên cố</i>	-	-	
c	<i>Phòng tạm</i>	-	-	

3	Khối phục vụ học tập	08	08	Nhà đa năng (1), Phòng Truyền thống(1), Đoàn đội (1), phòng Thiết bị (1), Tâm lý HĐ(1), Y tế(3)
a	<i>Phòng kiên cố</i>	08	08	
b	<i>Phòng bán kiên cố</i>	-	-	
c	<i>Phòng tạm</i>	-	-	
II	<i>Khối phòng hành chính - quản trị</i>	14	18	2021: BGH (3), tổ bộ môn(5), phòng giáo viên (3), văn phòng (4), kho (2), bảo vệ (1),
1	Phòng kiên cố	14	18	
2	Phòng bán kiên cố	-	-	
3	Phòng tạm	-	-	
III	<i>Thư viện</i>	09	09	Phòng đọc(2), P. máy tính (1), P. mượn (1), Kho (3), VP (2)
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	33	33	HT lớn (1), P.họp (2), KTX (28), Nhà ăn (2)
	Cộng	90	98	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1	
Giáo viên	58	43	19	0	34	24	
Nhân viên	8	4	0	0	7	1	
Cộng	69	48	19	0	42	27	

b) Số liệu của 2 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	52	71	61
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	52/16=3.2	71/20=3.5	61/17=3.6
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.15	0.18	0.15
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (GV dạy giỏi cấp Quốc gia)	0	09	
6	Các số liệu khác (nếu có)			

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020 - 2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	372	428	
	- Nữ	133	166	

	- Dân tộc thiểu số	119	121	
	- Khối lớp 1	54	31	
	- Khối lớp 2	25	43	
	- Khối lớp 3	18	24	
	- Khối lớp 4	25	19	
	- Khối lớp 5	21	27	
	- Khối lớp 6	83	56	
	- Khối lớp 7	35	69	
	- Khối lớp 8	36	29	
	- Khối lớp 9	20	33	
	- Khối lớp 10	41	45	
	- Khối lớp 11	14	38	
	- Khối lớp 12		14	
2	Tổng số tuyển mới	372	112	
3	Học 2 buổi/ngày	372	428	
4	Bán trú	156	207	
5	Nội trú	38	29	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	23.25	21.45	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	369=99,2%	424=98.8%	
	- Nữ	132	166	
	- Dân tộc thiểu số	118	120	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	01	15	

9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	0	0	
	- Nữ	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	

b) Kết quả giáo dục

Khối	Số liệu	Năm học 2019 – 2020 (%)	Năm học 2020 – 2021 (%)	Ghi chú
Tiểu học	- Tỷ lệ học sinh xếp loại xuất sắc	42.0	42.0	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hoàn thành tốt	31.0	31.0	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hoàn thành	27.0	27.0	
THCS	- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	23.0	21.4	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	47.7	65.2	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém	0.0	0.0	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	63.2	82.9	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	31.6	16.0	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	5.2	1.1	
THPT	- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	12.7	14.4	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	58.2	51.6	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém	1.8	1.1	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	70.9	59.8	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	20.0	34.0	
	- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	9.1	6.2	

	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100	100	
	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	21/21=100%	27/27=100%	
	Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0%	0%	
	Các số liệu khác (nếu có)			

5) Các số liệu khác (nếu có):.....Không.....

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Tình hình chung của Nhà trường

1. Đặc điểm tình hình

Trường Phổ thông Tuyên Quang (TSE) được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 2019, theo quyết định số 39/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang, trực thuộc Trường Đại học Tân Trào (ĐHTT) và chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn của Sở GD&ĐT Tuyên Quang. Mô hình của TSE là trường công lập, tự chủ hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư. Có chức năng thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông theo Điều lệ trường Tiểu học, Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chính sách chất lượng của TSE được tuyên bố như sau:

Sứ mạng: *TSE là cơ sở giáo dục chất lượng cao và toàn diện cho học sinh phổ thông của tỉnh Tuyên Quang và khu vực.*

Tầm nhìn: *Đến 2030, TSE sẽ trở thành một trường phổ thông hàng đầu trong khu vực và hội nhập quốc tế.*

Giá trị cốt lõi: *Chất lượng giáo dục là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển.*

Chính sách chất lượng: *Chúng tôi, TSE cam kết liên tục cải tiến để có khả năng cung cấp các dịch vụ giáo dục có chất lượng, đảm bảo mức độ hài lòng cao nhất của người học.*

Triết lý giáo dục: *Học để làm chủ cuộc sống.*

Là một cơ sở giáo dục trực thuộc một trường đại học, TSE xác định có những thuận lợi và khó khăn sau:

* *Thuận lợi:*

- TSE được sự quan tâm, lãnh đạo sát sao, sự hỗ trợ thường xuyên của Đảng ủy, BGH trường ĐHTT, sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn của Sở GD&ĐT tỉnh Tuyên Quang.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB GV, NV) có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, tâm huyết với nghề, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng nổ nhiệt tình trong công việc, tinh

thần trách nhiệm cao, có bề dày kinh nghiệm, đoàn kết gắn bó, thống nhất.

- Cơ sở vật chất (CSVCh) đảm bảo, có đầy đủ phòng học, thư viện, trang thiết bị, sân chơi, bãi tập, phòng học bộ môn, thí nghiệm, thực hành đáp ứng tốt cho việc giảng dạy và học tập.

** Khó khăn:*

- TSE là đơn vị công lập tự chủ nhưng không có nguồn tài chính, CSVCh và trang thiết bị ban đầu, tất cả đều do sự bảo trợ của Trường ĐHTT.

- Mô hình của TSE hoàn toàn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, nên TSE vừa phải tổ chức thực hiện nhiệm vụ vừa tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế, nâng cao chất lượng đáp ứng tiêu chí đã đề ra, đảm bảo cân đối nguồn nhân lực, vật lực để nhà trường tiếp tục phát triển.

- TSE có cả 3 cấp học nên học sinh (HS) có đặc điểm tâm lý lứa tuổi đa dạng, khác nhau. Trường học 2 ca, có cả HS nội trú, bán trú, có hệ thống xe đưa đón, dịch vụ ăn uống tại trường nên việc quản lý dạy, học và sinh hoạt chính khóa, ngoài giờ còn gặp nhiều khó khăn.

2. Về hoạt động giáo dục, quản lý

TSE tổ chức các hoạt động giáo dục theo Đề án thành lập trường đã được phê duyệt và các quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông dành cho chương trình Tiểu học, THCS, THPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Đặc biệt chương trình giáo dục của TSE là tối ưu hóa chương trình và sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT, đồng thời triển khai chương trình giáo dục mở rộng và nâng cao, ngoài ra HS được tăng cường ngoại ngữ giao tiếp; tiếp cận với Chương trình giáo dục tiên tiến trong khu vực các nước ASEAN; chú trọng phát triển năng khiếu và phát triển cá nhân; rèn luyện kỹ năng sống; hoạt động trải nghiệm với môi trường xung quanh và với HS, sinh viên trong nước và quốc tế, tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Quản lý CB, GV, NV.

- Tuyển sinh HS trong toàn tỉnh và các tỉnh trong cả nước, quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực. Phối hợp với gia đình HS,

các tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản CSVC, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

- Tổ chức cho GV, NV, HS tham gia hoạt động xã hội để rèn luyện kỹ năng.

- Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục (Trường ĐHTT, Sở GD&ĐT Tuyên Quang).

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Nhà trường có đủ phòng học, chỗ ngồi cho HS đạt tiêu chuẩn quy định, có đầy đủ phòng làm việc của BGH, các bộ môn, đoàn thể, phòng họp, phòng chờ của GV. Trong các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng từ, các thiết bị điện tử khác đảm bảo cho việc dạy và học. Hệ thống thư viện có hệ thống thông tin hiện đại, đảm bảo chuẩn theo khu vực, có kết nối với các Thư viện lớn trong nước và quốc tế để khai thác học liệu số; phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng học Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, khu vực Thể dục thể thao đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động dạy và học của GV và HS. Toàn bộ không gian trường được phủ wifi miễn phí để tạo điều kiện thuận lợi cho GV, HS khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

4. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Nhà trường không có GV biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, năm học 2020 - 2021, Trường có 79 CBGV, NV (bao gồm GV hợp đồng và một số GV được tăng cường và kiêm nhiệm từ giảng viên của Trường ĐHTT). Trong đó, BGH 03 người, số GV trực tiếp giảng dạy là 76 người. Trình độ chuyên môn: PGS, Tiến sĩ: 01; Tiến sĩ: 04; Thạc sĩ: 23; Đại học: 48. Nhà trường có Hội đồng tư vấn giáo dục là các chuyên gia giáo dục hàng đầu Việt Nam. Có Hội đồng trường gồm 9 thành viên, Trường có chi bộ Đảng gồm 16 Đảng viên. Chi bộ liên tục đạt danh hiệu chi bộ cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và giữ vai trò là hạt nhân lãnh đạo trong các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP HCM, Hội cha mẹ HS đều hoạt động tích cực, góp phần đưa Nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; các năm học 2019-2020 và 2020-2021, Nhà trường đều đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

5. Số liệu học sinh năm học 2020-2021

Trường có 428 em được chia thành 20 lớp. HS có nền nếp, chăm ngoan, có ý thức đạo đức tốt. Chất lượng giáo dục hàng năm được duy trì và nâng cao. Số lượng HS giỏi cấp tỉnh năm học 2020-2021 tăng cao so với năm học 2019-2020. Số HS đủ điều kiện chuyển lớp: 428/428. Đạt 100%, số HS tốt nghiệp THCS: 33/33, Đạt: 100%, HS hoàn thành chương trình Tiểu học: 27/27, đạt 100%.

II. Mục đích tự đánh giá

TSE tự đánh giá là để xác định các điểm mạnh, điểm yếu nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, hoạt động TĐG giúp Nhà trường rà soát, xem xét thực trạng của Trường, từ đó lập kế hoạch để điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, đảm bảo thực hiện đúng Chiến lược phát triển, sứ mạng và tầm nhìn của TSE đã công bố.

III. Tóm tắt quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

1. Phương pháp đánh giá

- Nhà trường triển khai, phổ biến các văn bản về tự đánh giá (TĐG) tới toàn thể CBGV, NV trong Nhà trường, đồng thời ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. Xây dựng kế hoạch và quy trình TĐG, phân công các bộ phận, cá nhân phối hợp thực hiện.

- Báo cáo TĐG được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của Nhà trường đạt được. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo TĐG nêu ra những điểm mạnh, điểm yếu của Nhà trường và kế hoạch cải tiến chất lượng trong từng tiêu chí.

2. Công cụ đánh giá

Hội đồng TĐG sử dụng các tài liệu, văn bản sau:

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT. Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Quy trình tự đánh giá

TSE thực hiện quy trình bao gồm các bước: (1) Thành lập Hội đồng tự

đánh giá; (2) Xây dựng kế hoạch tự đánh giá; (3) Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng; (4) Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí; (5) Viết báo cáo tự đánh giá; (6) Công bố báo cáo tự đánh giá.

Thực hiện quy trình trên, Hội đồng TĐG của Nhà trường đã phổ biến quy trình TĐG và yêu cầu các bộ phận, cá nhân phối hợp thực hiện, triển khai xây dựng kế hoạch tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng. Rà soát các hoạt động giáo dục để phân tích đối chiếu, so sánh kết quả TĐG với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết báo cáo tự đánh giá. Thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục. Từ kết quả TĐG, Nhà trường sẽ thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong báo cáo TĐG để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Phổ thông Tuyên Quang có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định tại Điều lệ trường Tiểu học, Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có đủ số lượng cán bộ quản lý, có Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể như: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP HCM,... Tất cả đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường học, Điều lệ của các đoàn thể và các quy định khác của pháp luật.

“Chiến lược phát triển trường Phổ thông Tuyên Quang giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030” đã được xây dựng chi tiết, cụ thể từ việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) để xác định hướng phát triển từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, chiến lược đã đưa ra mục tiêu, kế hoạch và giải pháp để thực hiện chiến lược giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế giai đoạn giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030.

Sau 02 năm hoạt động Nhà trường đã tuyển dụng đội ngũ GV, NV đảm bảo yêu cầu, chất lượng, triển khai có hiệu quả công tác giáo dục. Thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, phòng chống bạo lực học đường, an toàn vệ sinh thực phẩm. Hệ thống hồ sơ, sổ sách được quản lý khoa học, các Quy chế được xây dựng đầy đủ, công tác quản lý tài chính, tài sản công khai minh bạch. Tập thể CB, GV, NV, người làm việc của Nhà trường luôn chấp hành nghiêm túc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và của cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên

các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

a) Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

a) Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 (Chiến lược). Chiến lược của Nhà trường đã xác định mục tiêu: *“Nâng cao chất lượng đầu vào, đảm bảo chất lượng nội dung và chương trình giáo dục ở mức độ cao, mở rộng quy mô hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu học tập chất lượng cao và đa dạng của xã hội, khu vực”*, trên cơ sở đó Nhà trường cũng xác định những giải pháp cụ thể về phát triển giáo dục, đội ngũ, CSVC, tài chính... [H1-1.1-01]. Tại khoản 2, điều 8 Luật Giáo dục quy định: *“Chương trình giáo dục phải bảo đảm tính khoa học và thực tiễn; kế thừa, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; tạo điều kiện cho phân luồng, chuyển đổi giữa các trình độ đào tạo, ngành đào tạo và hình thức giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân để địa phương và cơ sở giáo dục chủ động triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp; đáp ứng mục tiêu bình đẳng giới, yêu cầu hội nhập quốc tế. Chương trình giáo dục là cơ sở bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện.”* và khoản 2, điều 19 quy định: *“Cơ sở giáo dục tự triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.”* [H1-1.1-02]. Trong kế hoạch thực hiện, Chiến lược của Nhà trường đã xác định: *“Định kỳ rà soát, điều chỉnh giáo dục; Đảm bảo các Chương trình được thiết kế liên thông, liên môn”*; *“Phát triển và triển khai mở rộng các nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu sư phạm ứng dụng. Xây dựng các đề xuất đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp đại học và các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khác.”* [H1-1.1-01]. Như vậy đối chiếu các nội dung của Chiến lược phát triển trường

Phổ thông Tuyên Quang cho thấy sự phù hợp giữa Chiến lược với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục.

Bên cạnh đó, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII cũng xác định nhiều nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, một trong nhiều nhiệm vụ được đưa ra là: *“Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn...”* [H1-1.1-03]. Đối chiếu với Chiến lược, TSE xác định giải pháp về phát triển hợp tác quốc tế là: *“Cải tiến chất lượng các chương trình giảng dạy phù hợp với chuẩn quốc tế và khu vực. Tăng cường việc triển khai chương trình tiên tiến và tiếp cận dần các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.”* đây chính là một trong nhiều giải pháp mà Nhà trường đưa ra phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang [H1-1.1-01].

b. Ngay từ khi được thành lập, Nhà trường đã ban hành dự thảo Chiến lược Chiến lược trình Trường ĐHTT thẩm định. Chiến lược đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường ĐHTT thẩm định và tham mưu trình Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào phê duyệt [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05], [H1-1.1-06], [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08].

c. Chiến lược phát triển của nhà trường được công bố công khai trước các bên có liên quan, được niêm yết tại văn phòng nhà trường, trên website của TSE (<https://tse.daihoctantrao.edu.vn>) và website của trường ĐHTT (<https://daihoctantrao.edu.vn>) [H1-1.1-09].

Mức 2

Để thực hiện Chiến lược phát triển theo đúng lộ trình, Nhà trường đã thường xuyên giám sát để đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các mặt hoạt động giáo dục của CB, GV, HS trong các cuộc họp của Hội đồng giáo dục, giờ Chào cờ đầu tuần hoặc các cuộc họp sơ kết, tổng kết hằng năm.

Chi bộ thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, Hội đồng trường tổ chức giám sát các mặt hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường đã phân công rõ ràng nhiệm vụ cho Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện; các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn triển khai thực hiện; Ban thanh tra nhân dân, tổ chức Công đoàn và người làm việc thực hiện giám sát

việc thực hiện chiến lược [H1-1.1-10] [H1-1.1-11]; [H1-1.1-12]; [H1-1.1-13]; [H1-1.1-14]; [H1-1.1-15]; [H1-1.1-16]; [H1-1.1-17].

Mức 3

Tháng 10 năm 2020, Nhà trường đã thực hiện rà soát, bổ sung Chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030, xây dựng Dự thảo và lấy ý kiến tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh [H1-1.1-18]; [H1-1.1-15]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa ban hành được Chiến lược phát triển sửa đổi, bổ sung năm 2021 do đội Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập [H1-1.1-15].

2. Điểm mạnh

Chiến lược xây dựng và phát triển của Nhà trường đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHTT thẩm định, Hiệu trưởng Trường ĐHTT phê duyệt đảm bảo tính pháp lý, tính khoa học, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các thành viên trong và ngoài nhà trường khi xây dựng chiến lược. Đã được rà soát kịp thời sau khi các văn bản quy phạm pháp luật mới của Chính phủ, Bộ GD&ĐT có hiệu lực.

3. Điểm yếu

Số lượng ý kiến đóng góp của các bên liên quan ngoài nhà trường khi xây dựng chiến lược còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Nhà trường tiếp tục nghiên cứu nội dung, xây dựng kế hoạch để thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển.

- Duy trì và đẩy mạnh việc giám sát về các hoạt động giáo dục đã xây dựng trong chiến lược phát triển trường phổ thông.

4.2. Khắc phục điểm yếu

Ngay sau khi Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được ban hành, Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến các bên có liên quan

ngoài nhà trường đóng góp ý kiến cho bản dự thảo chiến lược xây dựng và phát triển Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định.
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a. Hội đồng trường TSE đã được thành lập theo Quyết định số 241/QĐ-HĐTTSE, ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Trường ĐHTT và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ [H1-1.1-12 (1)]. Tháng 10 năm 2020, sau khi các Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học có hiệu lực, Trường Phổ thông Tuyên Quang đã triển khai quy trình thành lập lại Hội đồng trường theo đúng quy định của các Thông tư mới của Bộ GD&ĐT, trong đó Hội đồng [H1-1.1-13]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02];

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập theo Quyết định số 919/QĐ-PTTQ, ngày 23 tháng 09 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường PTTQ, trong đó: Hiệu trưởng Nhà trường làm chủ tịch, các thành viên của hội đồng thi đua khen thưởng gồm: Bí thư cấp ủy, phó hiệu trưởng, đại diện hội đồng trường, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên, tổng phụ trách Đội TNTP HCM, tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp theo đúng quy định [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Các Hội đồng khác cũng đã được thành lập như: Hội đồng kỷ luật được thành lập khi có vụ việc xảy ra [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]. [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08];

b. Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ trường Tiểu học, THCS, trường THPT và trường Phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo các Thông tư của Bộ GD&ĐT [H1-1.2-01]; H1-1.1-12]; [H1-1.1-13]; [H1-1.2-09]; [H2-1.2-10]. Hội đồng kỷ luật của TSE đã nghiêm túc xử lý các vụ việc nhằm điều chỉnh các hoạt động chưa đúng của các GV, HS vi phạm H2-1.2-11]. Hội đồng Khoa học của TSE đã thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình giáo dục, kế hoạch phát triển giáo dục, tổ chức xét duyệt, chấm điểm các sáng kiến kinh nghiệm, các sản phẩm nghiên cứu của CB, GV, NV nhà trường [H2-1.2-12].

c. Hàng năm, Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác đều được rà soát, đánh giá theo định kỳ và theo năm học H1-1.1-12]; [H1-1.1-14]; [H2-1.2-13].

Mức 2

Hội đồng trường đã đưa ra các quyết định về phương hướng hoạt động của Nhà trường theo Chiến lược phát triển và nhiệm vụ giáo dục hàng năm, hoạt động có hiệu quả, góp phần giúp nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.1-12]; [H1-1.1-13]; [H1-1.1-14]; [H1-1.1-15]. Năm học 2019-2020 chỉ có 01 học sinh giỏi (HSG) cấp tỉnh, đến năm học 2020-2021 đã có 15 HSG cấp tỉnh [H2-1.2-14]. Hội đồng Thi đua khen thưởng đã tổ chức xét và đề nghị Nhà trường công nhận danh hiệu thi đua đối với CB, GV, NV, HS Nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong trường [H2-1.2-15]. Hội đồng Kỷ luật của Nhà trường đã góp phần chấn chỉnh được nền nếp của HS trong trường [H2-1.2-11]; [H2-1.2-16]. Hội đồng Nghiên cứu khoa học của Nhà trường đã tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình giáo dục, kế hoạch phát triển giáo dục, tổ chức xét duyệt, chấm điểm các sáng kiến kinh nghiệm, các sản phẩm nghiên cứu của CB, GV, NV. Tuy nhiên, Hội đồng Khoa học của Nhà trường chưa tham mưu được cho Nhà trường trong việc đặt hàng nghiên cứu các sản phẩm khoa học theo định hướng phát triển.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ các Hội đồng hoạt động theo đúng quy định và phát huy được vai trò theo chức năng, nhiệm vụ trong hoạt động giáo dục của Nhà trường. Các thành viên trong Hội đồng trường là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoặc đảm nhiệm các vị trí quản lý tại địa phương, làm việc khoa học, có tầm nhìn và tâm huyết xây dựng phát triển nhà trường.

- Hoạt động của các Hội đồng định kỳ được rà soát, đánh giá theo kế hoạch năm học của nhà trường và quy chế hoạt động của hội đồng.

3. Điểm yếu

Các sản phẩm nghiên cứu khoa học của CBGV chưa được thực hiện đặt hàng theo định hướng phát triển của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Hàng năm, tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường và các Hội đồng khác trong nhà trường đảm bảo đủ, đúng quy định. Chủ tịch các Hội đồng tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

- Các Hội đồng trong Nhà trường duy trì đánh giá, bổ sung kế hoạch hoạt động thường xuyên và đề ra các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng của các Hội đồng góp phần chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Nêu cao tinh thần tự giác, gương mẫu và kiên quyết của các thành viên trong các Hội đồng.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Hàng năm, Hội đồng khoa học của Nhà trường cần tham mưu cho BGH định hướng và khuyến khích nghiên cứu đối với CBGV theo định hướng phát triển của Nhà trường.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

b) Hoạt động theo quy định.

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng Bộ Trường ĐHTT được thành lập theo Quyết định số 148-QĐ/ĐU ngày 01/4/2019 của Ban chấp hành Đảng ủy Trường ĐHTT [H2-1.3-01]. Công đoàn bộ phận trường Phổ thông Tuyên Quang trực thuộc Công đoàn Trường ĐHTT được thành lập theo Quyết định số 22/QĐ-CD ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Công đoàn cơ sở trường ĐHTT [H2-1.3-02]. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thuộc Đoàn Trường ĐHTT. Đội TNTP HCM trực thuộc Hội đồng Đội huyện Yên Sơn.

b) Chi bộ Nhà trường có Quy chế hoạt động, kế hoạch thực hiện toàn khóa, sinh hoạt theo quy định một tháng một lần, sinh hoạt chuyên đề mỗi quý 1 lần, nhằm đánh giá toàn bộ hoạt động giáo dục trong nhà trường, thực hiện công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra và chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể [H2-1.3-03]; [H2-1.3-04]; [H1-1.1-11].

Công đoàn trường Phổ thông Tuyên Quang đã xây dựng Quy chế hoạt động của ban chấp hành Công Đoàn, Quy chế chi tiêu nội bộ Công đoàn; Kế hoạch hoạt động Công đoàn và định kỳ tổ chức họp 01 lần/tháng để triển khai các hoạt động của Công đoàn [H2-1.3-05]; [H2-1.3-06]; [H2-1.3-07]; [H2-1.3-08]. Chi Đoàn, Đội TN TPHCM Trường Phổ thông Tuyên Quang trực thuộc Hội đồng đội huyện Yên Sơn, để thực hiện các nhiệm vụ chung của Đoàn, Đội, Chi đoàn và Đội TN TPHCM trường Phổ thông Tuyên Quang đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo đúng quy chế họp định kỳ họp 01 lần/tháng [H2-1.3-09]; [H2-1.3-10]; [H2-1.3-11]; [H2-1.3-12].

c) Hàng năm, các hoạt động Chi bộ Đảng và các đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc sơ kết, tổng kết [H2-1.3-13]; [H2-1.3-14]; [H2-1.3-15]; [H2-1.3-16]. Đồng thời, Chi bộ

và các đoàn thể của TSE đều được Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội đồng đội huyện Yên Sơn đánh giá xếp loại hàng năm [H3-1.3-17]; [H3-1.3-18]; [H3-1.3-19]; [H3-1.3-20].

Mức 2

a) Chi bộ trường Phổ thông Tuyên Quang gồm có 16 đảng viên, có Ban chi ủy gồm Bí thư, Phó Bí thư và Chi ủy viên được Ban Thường vụ Đảng ủy trường ĐHTT chuẩn y theo quy định Điều lệ Đảng [H3-1.3-21]; [H3-1.3-22]. Chi bộ hoạt động theo đúng Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật. Nhà trường đã hoạt động được 2 năm trong đó có 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-17].

b) Công đoàn trường gồm có 41 công đoàn viên. Ban chấp hành gồm 03 thành viên (gồm Chủ tịch, 01 phó Chủ tịch và 01 ủy viên) [H3-1.3-23]; [H3-1.3-24]. Công đoàn trường đã phát huy tốt việc vận động cán bộ giáo viên thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phối hợp với Hiệu trưởng nhà trường cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của đoàn viên, người lao động; Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động; Phát triển và quản lý đoàn viên, xây dựng Công đoàn bộ phận vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng [H2-1.3-14].

Năm học 2019-2020 Chi đoàn trường Phổ thông Tuyên Quang có 25 đoàn viên; năm học 2020-2021 có 62 đoàn viên; năm học 2021-2022 có 40 đoàn viên, để chỉ đạo hoạt động của các Chi đoàn Ban Chấp hành Chi đoàn được thành lập gồm: 01 Bí thư 01 Phó Bí thư, 01 Ủy viên. Năm học 2019-2020, Liên đội trường Phổ thông Tuyên Quang có 246 đội viên; Năm học 2020-2021 có 257 đội viên; năm học 2021-2022 Liên đội trường có 286 đội viên và Ban chỉ huy liên đội được bầu ra từ Liên đội đã có những đóng góp tích cực cho các hoạt động giáo dục trong Nhà trường [H2-1.3-14,]; [H2-1.3-15]; [H2-1.3-16]; [H3-1.3-26]; [H3-1.3-27]; [H3-1.3-28].

Mức 3

a) Liên tục trong 02 năm 2019, 2020 chi bộ TSE được Ban Chấp hành Đảng ủy Trường ĐHTT đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-17].

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Liên đội của TSE luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công đoàn Nhà trường 2 năm liền đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh; Tổ chức Đoàn - Đội luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, tích

cực tổ chức các hoạt động thu hút HS tham gia, đồng thời tham gia hoạt động các cấp và đạt được nhiều thành tích cao [H3-1.3-18]; [H3-1.3-19]; [H3-1.3-20].

Tuy nhiên, Chi bộ và các tổ chức đoàn thể khác chưa có đủ 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm TĐG.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được cấp trên ghi nhận.

3. Điểm yếu

Chi bộ và các tổ chức đoàn thể khác chưa có đủ 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm TĐG.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Ban Chi ủy chi bộ, Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tư vấn các hoạt động các đoàn thể và tổ chức khác.

- Sáng tạo, đổi mới hình thức hoạt động của các tổ chức trong nhà trường góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

4.2. Khắc phục điểm yếu

Tiếp tục xây dựng các kế hoạch hoạt động cụ thể để duy trì hoạt động và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Chi bộ và các đoàn thể.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 1.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) TSE có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng theo quy định của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. [H3-1.4-01].

b) Ngày từ khi đi vào hoạt động, Nhà trường đã thành lập các tổ chuyên môn và văn phòng đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường học. Nhà trường có 06 tổ chuyên môn gồm: tổ Khoa học Tự nhiên, tổ Khoa học Xã hội, tổ Hoạt động ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), tổ Ngoại Ngữ, tổ Tiểu học, tổ Chủ nhiệm, tổ Văn phòng, tổ Tư vấn tâm lý học đường, tổ quản lý học sinh bán trú, nội trú [H3-1.4-02]. Mỗi tổ có 01 tổ trưởng, tùy theo số lượng CBGV trong tổ để có thêm tổ phó như tổ Tiểu học. Tổ trưởng và tổ phó do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học [H3-1.4-03].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, cụ thể: Các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng về các hoạt động phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ như hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xây dựng kế hoạch dự giờ tổ, trao đổi các tiết dạy khó với các giáo viên cùng bộ môn, giúp đỡ một số giáo viên trong tổ khi gặp khó khăn về chuyên môn hoặc trong cuộc sống, thực hiện các chuyên đề bộ môn theo kế hoạch [H3-1.4-04]. Hàng năm, các tổ bộ môn có đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định [H3-1.4-05]; [H3-1.4-06 (1)]; [H4-1.4-06 (2)]; [H4-1.4-06 (3)];

Tổ tư vấn tâm lý học đường có nhiệm vụ tổ chức tham vấn, tư vấn tâm lý cho học sinh, phụ huynh và giáo viên trong trường về các vấn đề của học sinh

gặp khó khăn trong học tập, hỗ trợ học sinh nâng cao nhận thức bản thân, kiểm soát cảm xúc và hành vi theo hướng tích cực. Công tác tư vấn tâm lý cho học sinh nhằm mục đích phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp đối với học sinh đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống để tìm hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường. Tổ tư vấn thực hiện tư vấn theo 3 hình thức: trực tiếp tại phòng Tâm lý học đường (tầng 3, nhà C), tư vấn trực tiếp qua điện thoại hoặc tổ chức sinh hoạt chuyên đề [H4-1.4-07].

Mức 2

a) Hàng năm, mỗi tổ chuyên môn thực hiện được 04 chuyên đề chuyên môn/năm học, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nhà trường [H4-1.4-08 (1)]; [H4-1.4-08 (2)]; [H5-1.4-08 (3)]; [H5-1.4-08 (4)]; [H5-1.4-08 (5)]; [H5-1.4-08 (6)]. [H5-1.4-09]. Đặc biệt trong năm học 2020-2021, tổ Khoa học Tự nhiên đã thực hiện sinh hoạt chuyên môn nhóm Toán, sinh hoạt chuyên môn nhóm Lý vào các chiều thứ 7 hàng tuần [H4-1.4-08 (1)].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị theo từng giai đoạn và sau năm học [H3-1.4-04]; [H2-1.2-15]. Hoạt động của tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với đặc thù của Nhà trường [H5-1.4-10].

Mức 3

a) Các tổ chuyên môn đã triển khai có hiệu quả kế hoạch đã đề ra ngay từ đầu năm học, các tổ chuyên môn hỗ trợ các giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học phù hợp theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh góp phần nâng cao chất lượng dạy học [H3-1.4-04], [H4-1.4-08]; [H5-1.4-08]. Tổ văn phòng đã tham mưu trong công tác quản lý hoạt động của Khu nội trú, bán trú, quản lý Nhà ăn, xe ô tô đưa đón. Kết quả trong tất cả các năm học, TSE không để xảy ra việc mất vệ sinh, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự cũng như thực hiện tốt các quy định của Luật an toàn giao thông đường bộ [H1-1.1-15].

Tuy nhiên, do điều kiện không có đủ phương tiện đưa đón nên việc quản lý của Văn phòng đối với học sinh còn có nhiều khó khăn, làm mất thêm thời gian cho cán bộ, nhân viên của văn phòng.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên,

chất lượng của học sinh. Số lượng HSG của năm học 2020-2021 đã cao hơn so với năm học 2019-2020 [H2-1.2-15]; [H2-1.2-16].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn cao, lý luận chính trị vững vàng và có kinh nghiệm quản lý trường học;

Có Tổ tư vấn tâm lý học đường hỗ trợ các em học sinh yếu thế trong nhà trường, tư vấn cho GV và PHHS để cùng quản lý, giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Văn phòng chưa thật sự tham mưu được cho Nhà trường việc sắp xếp tổ chức đưa đón học sinh một cách thuận tiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động của tổ, công tác đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Nội dung: Khắc phục những điểm yếu trong việc đưa đón HS.
- Biện pháp: Bổ sung thêm xe ô tô đưa đón học sinh.
- Thời gian: Bắt đầu từ tháng 9/2021.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học.

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học.
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định.
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

a) Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

a) Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học

ơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Từ khi thành lập đến thời điểm TĐG, trường Phổ thông Tuyên Quang có số lớp học với sĩ số tương ứng với từng cấp học được thể hiện qua bảng 01 như sau [H6-1.5-01]; [H6-1.5-02]:

Bảng 01. Bảng tổng hợp số lớp học và số lượng HS của TSE

Cấp học	Lớp	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Ghi chú
		Số lớp	Sĩ số	Số lớp	Sĩ số	Số lớp	Sĩ số	
Cấp Tiểu học	Khối 1	3	54	2	31	1	17	
	Khối 2	1	25	2	43	1	30	
	Khối 3	1	18	1	24	2	34	
	Khối 4	1	25	1	19	1	24	
	Khối 5	1	21	1	27	1	21	
Cấp THCS	Khối 6	3	83	2	56	1	32	
	Khối 7	1	35	3	69	2	41	
	Khối 8	1	36	1	29	2	62	
	Khối 9	1	20	2	33	1	24	
Cấp THPT	Khối 10	2	41	2	45	2	45	
	Khối 11	1	14	2	38	1	22	
	Khối 12	0	0	1	14	2	37	
Tổng số		16	372	20	428	17	389	

b) Tất cả các lớp học của TSE đều được tổ chức theo quy định, mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó, mỗi lớp chia thành 4 tổ. Lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó do HS ứng cử hoặc GV chủ nhiệm giới thiệu, được HS trong lớp, trong tổ bầu chọn và luân phiên trong năm học [H6-1.5-03 (1)]; [H7-1.5-03 (2)]; [H7-1.5-03 (3)] [H7-1.5-04].

c) Hoạt động của lớp học đảm bảo tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi HS trong lớp được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, nhóm, lớp với sự hỗ trợ của GV chủ nhiệm và phó chủ nhiệm lớp [H6-1.5-

03]; [H8-1.5-05]. Tuy nhiên, do những năm đầu mới thành lập Nhà trường không được chủ động tuyển chọn đầu vào, nên có một số khó khăn trong việc tuyển chọn HS, nhất là ở một số lớp có nhiều HS chưa thật sự hòa nhập.

Mức 2

Trường Phổ thông Tuyên Quang có số lớp học dưới 45 và số lượng HS trong một lớp ở tất cả các cấp học trung bình 22,5 HS [H6-1.5-01]; [H6-1.5-02].

Mức 3

Từ bảng 01. Bảng tổng hợp số lớp học và số lượng HS của TSE cho thấy số HS trong mỗi lớp ở tất cả các cấp học như sau: Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022, số số trung bình cấp Tiểu học lần lượt là: 20.65 học sinh/lớp ; cấp THCS lần lượt là: 26 học sinh/lớp; cấp THPT lần lượt là: 19.7 học sinh/lớp [H6-1.5-01]; [H6-1.5-02].

2. Điểm mạnh

- Lớp học được tổ chức theo quy định, số của các lớp thấp, đảm bảo việc quản lý, giáo dục trực tiếp đến từng HS.

- Các lớp có lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó được bầu luân phiên hàng năm, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Do chưa được chủ động trong công tác tuyển sinh nên ở một số lớp còn có một số HS chưa thật sự hòa nhập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Tiếp tục duy trì số lớp học không quá 30 học sinh/lớp. Với khối tiểu học tiếp tục bố trí 2 GV chủ nhiệm/lớp.

- Giáo viên chủ nhiệm thực hiện kiện toàn tổ chức lớp ngay từ đầu năm học, điều hành cử lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng luân phiên hàng năm.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Có kế hoạch lựa chọn HS ngay từ đầu cấp.

- GVCN phối hợp với GV bộ môn, tổ Tư vấn tâm lý học đường có biện pháp giáo dục, quan tâm, nhắc nhở, động viên kịp thời đối với những HS chưa thật sự hòa nhập đang tham gia học tập tại Trường.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên, bắt đầu từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

a) Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ theo quy định: Sổ đăng bộ; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; Sổ ghi đầu bài; Học bạ học sinh; Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường; Hồ sơ thi đua; Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên; Hồ sơ kỷ luật; Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; Hồ sơ quản lý thư viện; Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh [H6-1.5-01]; [H9-1.6-01]; [H10-1.6-02]; [H11-1.6-03]; [H12-1.6-04]; [H13-1.6-05]; [H1-1.1-15]; [H1-1.1-12 (3)]; [H1-1.1-12 (4)]; [H1-1.1-13 (6)]; [H1-1.1-13 (7)]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H2-1.2-15]; [H2-1.2-10]; [H3-1.4-06]; [H2-1.2-11]; [H13-1.6-05]; [H14-1.6-06]; [H14-1.6-07]; [H15-1.6-08].

Hệ thống hồ sơ của Nhà trường được bảo quản, lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ.

b) Hàng năm, Nhà trường lập dự toán thực hiện thu chi quyết toán thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế, hàng năm quy chế chi tiêu nội bộ được lấy ý kiến của tất cả CB, GV, NV trong nhà trường, thông qua hội nghị cán bộ viên chức, người lao động, các phiên họp hội đồng trường để CB, GV, NV, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường tham gia góp ý [H1-1.6-13]; [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15]; [H1-1.1-15]; [H1-1.1-16].

c) Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Nhà trường đảm bảo đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Tài chính trong Nhà trường được quản lý qua tài khoản, việc thu nộp học phí và thanh toán 100% bằng chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng thương mại, không dùng tiền mặt [H1-1.6-16]; [H1-1.6-17]. Tài sản của TSE cơ bản dùng chung với ĐHTT nên được quản lý chủ yếu qua hệ thống quản lý của đại học, một phần quản lý bởi TSE [H1-1.6-18]; [H1-1.6-21].

Mức 2

a) Việc quản lý hành chính tài chính, tài sản, tiếp nhận văn bản của Nhà trường đều thông qua hệ thống phần mềm, máy tính [H17-1.6-19]; [H17-1.6-20]. Tuy nhiên việc quản lý văn bản đi và đến có lúc còn khó khăn do phải in từ văn bản theo hệ thống điện tử để vào sổ công văn theo quy định.

b) Kể từ khi thành lập đến nay, trong hơn 2 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H13-1.6-05]; [H14-1.6-06]; [H1-1.1-15].

Tuy nhiên, thời gian thành lập của TSE chưa có đủ 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm TĐG.

Mức 3

Nhà trường có các kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động giáo dục [H1-1.1-15]; [H1-1.1-16]; [H1-1.1-14]; [H17-1.6-16].

2. Điểm mạnh

- Thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản theo đúng quy định và có hiệu quả thông qua hệ thống tài khoản ngân hàng, không sử dụng tiền mặt.

- Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế Chi tiêu nội bộ để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng,

minh bạch, hiệu quả, tăng cường quyền giám sát của từng cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm chi. Quy chế Chi tiêu nội bộ thường xuyên được rà soát, điều chỉnh.

3. Điểm yếu

Thời gian thành lập của TSE chưa có đủ 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm TĐG.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Tiếp tục phát huy và thực hiện nghiêm túc các Quy định về tài chính, tài sản. Thực hiện thu - chi đúng mục đích; Tiếp tục bổ sung cập nhật Quy chế Chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành; Tiếp tục thực hiện công khai tài chính định kỳ theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc lưu trữ hồ sơ kế toán.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Tiếp tục duy trì hoạt động quản lý hành chính, tài chính của TSE theo quy định đã ban hành.

- Thời gian: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 1.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

a) Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch để 100% cán bộ quản lý.

GV và NV được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H17-1.7-01]. Các kế hoạch tập huấn xác định rõ hình thức trực tiếp thông qua các đợt tập huấn của Sở GD&ĐT và bồi dưỡng trực tuyến các modul 1, 2, 3 trên hệ thống LMS (Chương trình Giáo dục phổ thông 2018), bồi dưỡng qua các buổi sinh hoạt chuyên môn theo quy định thực hiện các chuyên đề dạy học; tổ chức dự giờ thường xuyên theo tổ nhóm chuyên môn đối với từng môn học [H1-1.1-14]; [H1-1.1-15]; [H4-1.4-08 (1)]; [H4-1.4-08 (2)]; [H5-1.4-08 (3)]; [H5-1.4-08 (4)]; [H5-1.4-08 (5)]; [H5-1.4-08 (6)]; [H5-1.4-09]; [H17-1.7-01]; [H17-1.7-02].

b) BGH phân công rõ ràng ngay từ đầu năm học cho các tổ chuyên môn, giáo viên trên cơ sở căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường, kế hoạch năm học, đảm bảo phù hợp với năng lực, sở trường và chuyên môn đào tạo của các cá nhân [H17-1.7-03]; [H1-1.1-15]; [H17-1.7-04]; [H17-1.7-05]. Tuy nhiên, do TSE học 2 buổi/ngày và liên cấp từ lớp 1 đến lớp 12 nên sự phân công đội ngũ GV đôi lúc còn gặp khó khăn, có lúc phải thay đổi thời khóa biểu và điều chỉnh GV thực hiện.

c) Cán bộ quản lý, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định hiện hành, được tham gia ý kiến vào các quy chế, quy định do Nhà trường dự thảo [H17-1.7-06]; [H17-1.7-07], có quyền được đi học tập, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ [H17-1.7-08]; [H17-1.7-01]. Đầu năm học Nhà trường đã phối hợp với phòng khám Đa khoa trường ĐHTT tổ chức cho 100% CB, GV, NV khám sức khỏe định kỳ; được hưởng chế độ tiền công, tiền lương, tiền thưởng; được đóng bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế, phí công đoàn, ... theo đúng quy định của pháp luật [H17-1.6-16]; [H17-1.7-08].

Mức 2

Nhà trường đã thực hiện nhiều giải pháp để phát huy năng lực của CN quản lý, GV, NV cụ thể như: Tổ chức sinh hoạt chuyên đề chuyên môn định kỳ [H5-1.4-08]; [H5-1.4-09]; tổ chức dự giờ thường xuyên, định kỳ và đợt xuất giúp Nhà trường có những đánh giá chính xác về năng lực sư phạm GV, đồng thời giúp GV tự đánh giá năng lực chuyên môn của mình, đồng thời học hỏi được từ đồng nghiệp kiến thức, kỹ năng, phương pháp... tổ chức giờ giảng qua đó nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho bản thân, sau mỗi tiết dự giờ BGH, tổ chuyên môn sẽ tổ chức họp để đánh giá [H4-1.4-06]; [H18-1.7-09 (1)]; [H19-1.7-09 (2)]; [H20-1.7-09 (3)]. Bên cạnh các hoạt động nêu trên, Nhà trường đã thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường của đội ngũ CB, GV và NV [H17-1.7-03]. Để các hoạt động trong Nhà trường được vận hành thông suốt, Nhà trường đã xây dựng và thực hiện đầy đủ các quy chế như: Quy

ché tổ chức và hoạt động của TSE, Quy chế dân chủ, Quy chế thi đua - khen thưởng [H1-1.1-17]; [H21-1.7-10]; [H1-1.2-09]. Đặc biệt, Quy chế Chi tiêu nội bộ đã được điều chỉnh thường xuyên nhằm hỗ trợ, khuyến khích GV dạy giỏi, có trách nhiệm, quy định rõ quyền lợi của GV chủ nhiệm, GV có học sinh giỏi, GV được đồng nghiệp, phụ huynh HS tôn vinh [H17-1.6-13]. Các quy chế được thực hiện nghiêm túc có hiệu quả, tạo động lực cho đội ngũ GV trong Nhà trường tiếp tục phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ thể hiện: Năm học 2019-2020, Nhà trường có 26 GV hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 GV có thành tích bồi dưỡng HS giỏi; năm học 2020-2021, số GV được khen thưởng vì có thành tích trong đào tạo, bồi dưỡng HS giỏi là 11 tăng hơn so với năm học trước [H2-1.2-16]. Nhằm tạo cơ hội cho GV có điều kiện học hỏi, trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp của các trường bạn để có thể rút kinh nghiệm, áp dụng những phương pháp dạy học phù hợp, Nhà trường đã tham gia sinh hoạt chuyên môn liên trường, cụm trường theo kế hoạch 2 lần/học kỳ [H21-1.7-11].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã thực hiện nhiều giải pháp để phát huy năng lực của CB quản lý, GV, NV.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên hiện có trình độ 100% đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu

Việc phân công chuyên môn, sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy đôi khi bị xáo trộn, không ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện các giải pháp để phát huy năng lực của CB quản lý, GV, NV.

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ GV, NV. Phân công sử dụng CB, GV, NV đảm bảo tính khoa học, hiệu quả, phù hợp với năng lực.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Nội dung: Khắc phục để đảm bảo GV các môn học khác nhau trong toàn Trường được ổn định.

- Biện pháp: Xác định và phân công chuyên môn hợp lý, sắp xếp thời

khóa biểu khoa học đối với những GV dạy từ 2 đến 3 cấp học ngay từ đầu năm học trên cơ sở năng lực chuyên môn phù hợp.

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

a) Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch thời gian năm học do UBND tỉnh Tuyên Quang quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục của các cấp có thẩm quyền ban hành, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, các quy định của Bộ GD&ĐT, của Sở GD&ĐT, của trường ĐHTT... đồng thời đảm bảo phù hợp với đội ngũ GV, CSVG, thiết bị dạy học của Nhà trường [H17-1.7-04]; H17-1.7-05].

b) Căn cứ các mục tiêu cụ thể trong Kế hoạch giáo dục mà nhà trường đã đề ra, BGH đã chỉ đạo các Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch của tổ và thực hiện đầy đủ, sáng tạo và đạt hiệu quả cao các nhiệm vụ theo kế hoạch, thường xuyên tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả hoạt động giáo dục của các giáo viên, nhân viên [H3-1.4-04]; [H1-1.1-15]; [H21-1.8-01]; [H21-1.8-02]. Tuy nhiên, còn có nhiệm vụ Nhà trường chưa chủ động điều chỉnh kịp thời theo thực tế do giáo viên chỉ phản ánh lại khi đến cuộc họp của Hội đồng Giáo dục hàng tháng.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Hàng tháng, Nhà trường đều họp Hội đồng Giáo dục toàn trường để đánh giá kết quả những hoạt động trong tháng, triển khai phương hướng nhiệm vụ tháng kế tiếp, tiếp thu những ý kiến của CB, GV, NV để bổ sung vào kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường [H1-1.1-15]; [H4-1.4-08 (1)]; [H4-1.4-08 (2)]; [H5-1.4-08 (3)]; [H5-1.4-08 (4)]; [H5-1.4-08 (5)]; [H5-1.4-08 (6)]. Thường xuyên hoặc đột xuất, Nhà trường có rà soát và bổ sung những kế hoạch phát sinh hoặc điều chỉnh những kế hoạch có thay đổi cho hợp lí vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm [H21-1.8-03]; [H21-1.8-04]; [H21-1.8-05].

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả, cụ thể:

Trong những năm học vừa qua, Nhà trường đã đề ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục được trường ĐHTT đánh giá cụ thể: Năm học 2019-2020, 2020-2021 Nhà trường đều đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” [H21-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được chủ động rà soát, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; các nội dung trong kế hoạch được thực hiện đầy đủ, sáng tạo và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Còn có thời điểm, có nhiệm vụ cụ thể Nhà trường chưa điều chỉnh kịp thời do việc tiếp nhận thông tin từ giáo viên chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý kế hoạch giáo dục. Chủ động xây dựng và rà soát điều chỉnh Kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, của địa phương và Kế hoạch giáo dục chung của ngành.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Qua công tác quản lý, kịp thời nắm bắt những thông tin có tác động ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục để điều chỉnh kịp thời.

- Thời gian khắc phục: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

- a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.
- b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.
- c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

- a) Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các bên liên quan đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng kế hoạch năm học, các quy chế làm việc như Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTTQ; Quy định về Thi đua khen thưởng; Quy chế dân chủ ở cơ sở; Quy định quản lý học sinh nội trú, bán trú,... [H17-1.6-15]; [H4-1.4-08]; [H5-1.4-08]; [H1-1.1-16]; [H1-1.1-17]. Việc góp ý vào các quy chế được thực hiện bằng nhiều hình thức, lấy ý kiến công khai trên website, trong các cuộc họp Hội đồng Giáo dục, trong Hội nghị viên chức và người lao động [H17-1.7-06]; [H1-1.1-15]; [H1-1.1-16]. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến vào các Quy chế khi Nhà trường triển khai lấy ý kiến công khai hoặc lấy ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp.

b) Trong quá trình thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và các quy chế, quy định khác, những kiến nghị, phản ánh đều được Nhà trường, Công đoàn trường kịp thời giải quyết. Đến nay, Nhà trường chưa nhận được đơn thư, khiếu nại, tố cáo; không có CB, GV, NV vi phạm pháp luật [H1-1.1-12]; [H1-1.1-13]; [H21-1.9-01]; [H2-1.3-14]; [H1-1.1-15]; [H21-1.9-02].

c) Định kỳ hàng năm và kết thúc năm học, Nhà trường có Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và Báo cáo Công khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, trong đó đánh giá cụ thể kết quả việc thực hiện và đề ra những giải pháp để triệt để thực hiện hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo [H21-1.9-02]; [H21-1.9-03].

Mức 2

Trong quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở, Nhà trường đã có các biện pháp và cơ chế giám sát để đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả như: Hoạt động tự kiểm tra, giám sát của chi bộ, các hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân [H21-1.9-04]; [H21-1.9-05]; [H21-1.9-06]; Ngoài ra, Nhà trường còn được trường ĐHTT kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động của Ủy ban Kiểm tra đảng ủy [H21-1.9-07].

2. Điểm mạnh

- Các quy chế đều được lấy ý kiến rộng rãi từ cán bộ quản lý, GV, NV và các bên có liên quan bằng nhiều hình thức đa dạng.

- Hàng năm, Nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch mọi hoạt động quản lý tài chính, thi đua, khen thưởng, đảm bảo quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Điểm yếu

Còn có một số CB, GV, NV chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng quy chế, kế hoạch trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục duy trì việc lấy ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng các quy chế hoạt động của Nhà trường. Công khai, báo cáo minh bạch những thông tin về hoạt động giáo dục của nhà trường để các cơ quan quản lý cấp trên nắm được, để học sinh, phụ huynh, cộng đồng cùng giám sát.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Chi bộ, Công đoàn, các Tổ chuyên môn quán triệt trách nhiệm và khuyến khích cán bộ viên chức nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, tinh thần trách nhiệm trong quá trình công tác.

- Thời gian: Thực hiện từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ

nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng cụ thể các phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho HS và CB, GV, NV [H21-1.10-01]. HS, CB, GV và NV nhà trường được phổ biến, tuyên truyền, và quán triệt thực hiện thực hiện các biện pháp phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19, CB, GV cài đặt ứng dụng và khai báo y tế điện tử qua phần mềm: NCOVI, Bluezone, Vietnam Health Declaration..., vào Trường phải thực hiện quét mã QR code, cử GV tham gia tập huấn công tác phòng, chống dịch COVID-19 [H21-1.10-02]; [H21-1.10-03]; [H21-1.10-04]. Các xe ô tô đưa đón học sinh đều có Hướng dẫn quản lý, lên xuống xe [H21-1.10-05]. Nhà trường có nội quy quy định cho học sinh trong nhà trường và học sinh khu vực bán trú, nội trú [H21-1.10-06]; [H21-1.10-07].

Nhà trường có Nhà ăn được đầu tư theo quy tắc một chiều từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khâu chế biến thành phẩm và vệ sinh sau bữa ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và cân bằng dinh dưỡng [H21-1.10-08]; Nhà ăn trường ĐHTT được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, nhân

viên phục vụ trong Nhà ăn có giấy khám sức khỏe định kỳ, việc kiểm tra thực phẩm hàng ngày được thực hiện theo đúng quy định [H21-1.10-09]; [H21-1.10-10]; [H21-1.10-11]; [H21-1.10-12]. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể nhằm thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trong trường học góp phần làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho giáo viên và học sinh trong trường [H21-1.10-13].

b) Nhà trường có số điện thoại đường dây nóng, số điện thoại của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng và cán bộ chuyên trách được đăng tải công khai trên website: <http://tse.daihoctantrao.edu.vn/> và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh HS, HS và người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, GV, NV và HS trong Nhà trường [H21-1.10-14]; [H21-1.10-15].

c) Cho đến nay, Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Trường Phổ thông Tuyên Quang thực sự là môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh được phụ huynh học sinh, nhân dân và chính quyền địa phương tin tưởng. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra những trường hợp học sinh có tâm lý không tự tin, không tự bảo vệ được mình trước những tác động từ bên ngoài, còn cần nhiều đến sự hỗ trợ của giáo viên và nhân viên trong Nhà trường.

Mức 2

a) Nhà trường đã tổ chức nhiều buổi ngoại khóa toàn thể Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.1-15]; [H21-1.10-17].

Đầu năm học nhà trường có kế hoạch phối hợp với Công an huyện Yên Sơn tổ chức chương trình tuyên truyền an toàn giao thông-an ninh mạng và bạo lực học đường để thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự và hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H21-1.10.18]. Phối hợp với phòng Cảnh sát giao thông hướng dẫn cho học sinh cách thoát hiểm, xử lý trên xe ô tô [H21-1.10.19]; phối hợp tuyên truyền an toàn phòng chống cháy, nổ [H1-1.10-20].

Nhà trường tổ chức ngoại khóa kỹ năng văn hóa ứng xử và kỹ năng thoát

hiểm trên xe ô tô nhằm trang bị kỹ năng giúp học sinh tự tin và bình tĩnh để xử lý mọi tình huống khi đi xe ô tô, nếp sống văn minh khi sử dụng các phương tiện giao thông công cộng [H21-1.10.20].

Năm học 2020-2021, CB, GV, NV Nhà trường đã được tham gia tập huấn về phòng chống dịch COVID-19, qua đó CB, GV và NV trong Nhà trường đã được trang bị thêm những kiến thức về giữ gìn vệ sinh môi trường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường [H21-1.10-04]; [H21-1.10.21].

b) Nhà trường có đội bảo vệ gồm 13 người, trong đó 03 cán bộ bảo vệ do trường PPTQ hợp đồng và 10 cán bộ bảo vệ thuộc trường ĐHTT, được trang bị trang phục và công cụ hỗ trợ phục vụ công việc trực 24/24h với các chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H21-1.10-22]; [H21-1.10-23]; [H21-1.10-24 (1)]. Lịch phân công CBGV cùng đội ngũ bảo vệ thường xuyên kiểm tra giám sát các hoạt động của học sinh trong suốt thời gian các em học tập và sinh hoạt tại trường, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H21-1.10-24 (2)]; [H1-1.1-14]; [H1-1.1-15]; [H21-1.10-25].

Ngoài ra, Nhà trường lắp đặt hệ thống camera tại tất cả các lớp học, các đơn vị hành chính, ở cổng và sân trường để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường [H21-1.10.26].

2. Điểm mạnh

- Trường Phổ thông Tuyên Quang là môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh được phụ huynh học sinh, nhân dân và chính quyền địa phương tin tưởng.

- Các phương án phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội được xây dựng cụ thể và đảm bảo thực hiện tốt.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền hướng dẫn HS, CB, GV, NV về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường thực hiện, phối hợp thực hiện với rất nhiều hoạt động thiết thực và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Vẫn có những HS chưa tự bảo vệ được chính mình trước những tác động từ bên ngoài, cần nhiều sự trợ giúp từ người khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục củng cố các phương án, thường xuyên tuyên truyền phổ biến,

hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Xây dựng kế hoạch tuyển chọn đầu vào đối với học sinh đảm bảo đủ năng lực học tập và năng lực hành vi.

- Hợp tác với các chuyên gia để tập huấn cho đội ngũ giáo viên giảng dạy kỹ năng của Nhà trường, nâng cao năng lực giảng dạy và hướng dẫn kỹ năng cho các học sinh yếu thế.

- Thời gian: Từ tháng 10 năm 2021.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

** Điểm mạnh*

Chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với những điều kiện thực tế và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nhu cầu của người học, đáp ứng nhu cầu nguồn lực của khu vực. Đúng với sứ mạng, tâm nhàn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của TSE.

Hội đồng trường và các hội đồng khác có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ GD&ĐT ban hành. Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP HCM, các Tổ chuyên môn đều hoạt động rất đồng bộ theo sự lãnh đạo của Chi bộ.

Các Quy chế hoạt động trong Nhà trường được xây dựng đầy đủ, đảm bảo Quy chế dân chủ. Việc quản lý hành chính, tài chính được cập nhật đầy đủ, chính xác, công khai và minh bạch.

Kế hoạch giáo dục hàng năm hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế, triển khai đầy đủ và thường xuyên có sự rà soát, điều chỉnh. An ninh, trật tự trường học đảm bảo an toàn, lành mạnh được phụ huynh học sinh, nhân dân và chính quyền địa phương tin tưởng.

** Điểm yếu*

- Do những năm đầu mới thành lập Nhà trường không được chủ động tuyển chọn đầu vào, nên có một số khó khăn trong việc tuyển chọn HS, nhất là ở một số lớp có nhiều HS chưa thật sự hòa nhập.

- Số lượng đoàn viên thanh niên không nhiều, thời gian học tập 2 buổi/ngày nên chưa thể tổ chức được nhiều hoạt động và phong trào cho Đoàn viên tham gia, vì vậy Đoàn thanh niên của TSE chưa thực sự có sức lan tỏa đến đoàn thanh niên trường học trong tỉnh.

Đánh giá Tiêu chuẩn 1:

* Về tiêu chí:

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10
- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

* Về chỉ số:

- Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 47/51 chỉ số
- Số lượng các chỉ số không đạt yêu cầu: 4 chỉ số
- + Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10
- + Số tiêu chí đạt: 10
- + Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý, GV, NV của Nhà trường có đủ mọi điều kiện và năng lực để triển khai và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuẩn và trên chuẩn, chuyên môn vững vàng và luôn tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn cao. Học sinh nhà trường cơ bản có ý thức trong học tập và rèn luyện đạo đức.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Phổ thông Tuyên Quang có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-1.04-01]. Là những cán bộ có phẩm chất nghề nghiệp, tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo quản trị nhà trường, có năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường. Hiệu trưởng là Phó giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng trường đại học, đã làm Hiệu trưởng trường THPT, đã qua quản lý Nhà nước cấp sở. Một Phó hiệu trưởng là Tiến sĩ, có kinh nghiệm giảng dạy và là giáo viên giỏi của trường THPT Chuyên của tỉnh. Một Phó hiệu trưởng có trình độ cử nhân, đã làm Hiệu trưởng trường Tiểu học và THCS, đã qua quản lý cấp Trưởng phòng Giáo dục, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện [H22-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, có lối sống lành mạnh, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có năng lực trong quản lý, chỉ đạo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, có năng lực tư vấn cho GV thực hiện tốt nhiệm vụ, làm việc khoa học. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được tập thể sư phạm nhà trường và Trường ĐHTT đánh giá xếp loại xuất sắc, Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H22-2.1-02]; [H22-2.1-03]; [H22-2.1-04].

c) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Có đầy đủ giấy chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục [H22-2.1-05].

Mức 2

a) Hiệu trưởng nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao,

gương mẫu thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của ngành, của cơ quan và địa phương nơi cư trú [H22-2.1-06]. Trong 02 năm điều hành trường Phổ thông Tuyên Quang, Hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt [H22-2.1-07]; [H22-2.1-08]; [H22-2.1-09].

b) Hàng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, học tập các chỉ thị, nghị quyết theo quy định, được CB, GV, NV, cấp trên trong và ngoài trường tín nhiệm, đánh giá tốt thông qua hoạt động đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H22-2.1-08]; [H22-2.1-10].

Mức 3

Trong hai năm liên tục điều hành trường Phổ thông Tuyên Quang, Hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức Tốt [H22-2.1-08]; [H22-2.1-09].

Tuy nhiên, thời gian thành lập TSE chưa có đủ 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm TĐG. Vì vậy, Hiệu trưởng nhà trường mới chỉ đánh giá được 02 năm theo Quy định chuẩn hiệu trưởng ở cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Điểm mạnh

- Đến thời điểm TĐG, Nhà trường mới đi vào hoạt động được 03 năm nhưng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức Tốt trong 02 năm liên tục.

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục, có kinh nghiệm trong quản trị nhà trường.

3. Điểm yếu

Thời gian thành lập TSE chưa có đủ 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm TĐG nên Hiệu trưởng nhà trường mới chỉ đánh giá được 02 năm theo Quy định chuẩn hiệu trưởng ở cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, quản trị nhà trường, phát huy mặt mạnh trong công tác chỉ

đạo điều hành các hoạt động giáo dục trong Nhà trường.

Tiếp tục duy trì đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt trong các năm tiếp theo.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của cá nhân và Nhà trường trong những năm tiếp theo.

- Thời gian: Thực hiện trong năm học.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo

cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ số lượng GV giảng dạy các bộ môn theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác [H22-2.2-01; [H22-2.2-02]; [H22-2.2-03 (1)].

Cơ cấu GV trường Phổ thông Tuyên Quang trong 03 năm vừa qua được thể hiện qua bảng 2 [H6-1.5-02]; [H22-2.2-03 (2)]:

Bảng 2. Cơ cấu GV trường Phổ thông Tuyên Quang

Năm học	Cấp Tiểu học			Cấp THCS			Cấp THPT		
	Số lượng GV	Số lớp	Tỷ lệ %	Số lượng GV	Số lớp	Tỷ lệ %	Số lượng GV	Số lớp	Tỷ lệ %
2019-2020	16	7	2.3 %	21	6	3.5	15	3	5
2020-2021	27	7	3.9 %	22	8	2.8	22	5	4.4
2021-2022	19	6	3.2 %	22	6	3.7	20	5	4

Qua bảng 2 cho thấy, Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu GV để đảm nhiệm các môn học theo quy định.

b) Tính đến thời điểm TĐG, TSE có 100% GV của Nhà trường đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó GV có trình độ Tiến sĩ là 5/66 đạt 7,6%, GV có trình độ Thạc sĩ là 22/66 đạt 33,3%, GV có trình độ Đại học 39/66 đạt 59,1% [H22-2.2-01]; [H22-2.2-02]; [H22-2.2-03].

c) Tính đến thời điểm TĐG, TSE có 100% giáo viên trong Nhà trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định

chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H22-2.2-04]; [H22-2.2-05]. Tuy nhiên, một số ít GV trẻ của Nhà trường còn thiếu những kỹ năng mềm.

Mức 2

a) Tính đến thời điểm được đánh giá, Nhà trường có tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo theo Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập được duy trì ổn định thể hiện qua bảng 3 H22-2.2-04]:

Bảng 3. Trình độ GV trường Phổ thông Tuyên Quang

Năm học	Bằng cấp			Chứng chỉ		
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Ngoại ngữ	Tin học	Bồi dưỡng
2019-2020	5	24	25	5	24	25
2020-2021	5	23	46	5	23	46
2021-2022	5	22	39	5	22	39

Như vậy, mặc dù chưa đủ 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhưng trong 3 năm qua tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo của Nhà trường đều được duy trì ổn định.

b) Từ năm học 2019-2020 đến nay, 100% GV trong Nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông từ mức Đạt trở lên, trong đó: năm học 2019-2020 Nhà trường có: 19/35 GV đạt mức Tốt, 16/35 GV đạt mức Khá; năm học 2020-2021 Nhà trường có: 24/49 GV đạt mức Tốt, 23/49 GV đạt mức Khá, 02 GV ở mức Đạt [H22-2.2-05]; [H3-1.4-05]. Tuy nhiên, GV trong Nhà trường chưa được đánh giá 05 năm liên tiếp do TSE mới được thành lập từ năm 2019.

c) Đa số GV trong Nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với HS [H22-2.2-06]. Năm học 2020-2021, Nhà trường tổ chức Dạy nghề Phổ thông theo kế hoạch, triển khai hiệu quả với chương trình Tin học cơ bản và nâng cao, qua đó HS có khả năng sử dụng thành thạo một số phần mềm và có kỹ năng sử dụng máy tính tốt sau tốt nghiệp THCS và THPT [H23-2.2-07]. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà trường đặc biệt quan tâm, trong năm học 2020-2021, GV đã hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu khoa học kết quả đạt được Giải B tại Hội thi "Ý tưởng sáng tạo năm 2020" [H23-2.2-08].

Trong các năm qua, Nhà trường không có GV vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế chuyên môn, không vi phạm các điều GV không được làm, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Không có giáo viên bị xử lý kỷ luật [H1-1.1-14].

Mức 3

a) Tuy mới được thành lập từ năm 2019 nhưng 100% GV trong Nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông từ mức đạt trở lên, trong đó: năm học 2019-2020 Nhà trường có: 19/35 GV đạt mức Tốt, 16/35 GV đạt mức Khá; năm học 2020-2021 Nhà trường có: 24/35 GV đạt mức Tốt, 23/35 GV đạt mức Khá [H3-1.4-05] [H22-2.2-05].

b) Không chỉ hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học, GV trong Nhà trường cũng tham gia nghiên cứu khoa học với các hình thức phong phú, đa dạng như: Đề tài, viết báo, viết giáo trình, tài liệu tham khảo... Các kết quả nghiên cứu khoa học của CB, GV Nhà trường từ năm 2019 đến nay được cụ thể hóa qua bảng 4 sau:

Bảng 4. Số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học trường Phổ thông Tuyên Quang

TT	Danh mục nghiên cứu khoa học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Đề tài NCKH các cấp của CB, GV		2
1.1	Đề tài cấp bộ		
1.2	Đề tài cấp tỉnh		
1.3	Đề tài cấp cơ sở	1	
1.4	Đề tài cấp nhà nước		1
2	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế	12	15
2.1	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước		1
2.2	Bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus	12	14
2.3	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài không thuộc danh mục ISI, Scopus		

3	Báo cáo đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học trong nước, ngoài nước	1	1
4	Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	1	2
5	Sáng kiến kinh nghiệm	2	13

Như vậy, mặc dù mới được thành lập nhưng các kết quả nghiên cứu của CB, GV trường Phổ thông Tuyên Quang tăng dần qua các năm.

2. Điểm mạnh

- 100% đội ngũ CBGV có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- CBGV trong Nhà trường có năng lực nghiên cứu khoa học với nhiều sản phẩm có chất lượng được công bố rộng rãi trong nước và quốc tế.

3. Điểm yếu

Một số ít GV trẻ của Nhà trường còn thiếu những kỹ năng mềm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn, đảm bảo số lượng giáo viên đủ tham gia vào tất cả các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, kỹ năng, năng khiếu theo từng cá nhân.

- Phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên. Mở rộng và hướng dẫn HS tham gia vào các hoạt động NCKH, sáng tạo kỹ thuật.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Tăng cường công tác tập huấn bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm và tự bồi dưỡng cho GV trẻ nhằm phát triển kỹ năng còn yếu.

- Thời gian: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực.

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Do đặc thù là một trường phổ thông có nhiều cấp học, hoàn toàn tự chủ, có khu nội trú, bán trú và các dịch vụ cho HS nên Nhà trường có tổ Văn phòng với đội ngũ gồm 08 NV chuyên trách thực hiện công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, bảo vệ và các công tác khác [H23-2.3-01]. Riêng NV y tế, Nhà trường có Phòng y tế riêng và Phòng khám Đa khoa do ĐHTT hỗ trợ [H23-2.3-02]. Có Tổ trưởng để điều hành chung các hoạt động của văn phòng [H3-1.4-02 (1)]; [H3-1.4-03 (1)]. Ngoài ra, Nhà trường còn hợp đồng với các đơn vị để cung cấp dịch vụ khác [H23-2.3-03].

b) NV chuyên trách như kế toán, văn thư, hành chính tổng hợp, hành chính quản trị, thiết bị, thủ quỹ được Nhà trường phân công phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực, sở trường của cá nhân và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị [H23-2.3-04]. Tuy nhiên, NV văn thư lưu trữ còn chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ quản lý văn thư lưu trữ.

Nhà trường có ký túc xá phục vụ nhu cầu nội trú và bán trú cho HS, nên bố trí 03 NV phục vụ, trong đó 01 NV bảo vệ kiểm tra giám sát các hoạt động học tập và sinh hoạt của HS tại các khu vực lớp học, sân chơi, sân thể thao, nhà thi đấu..., 02 NV làm công tác bảo vệ, quản lý khu nội trú, bán trú ký túc xá ban ngày và ban đêm [H23-2.3-05]; [H23-2.3-04]; [H21-1.10.24 (1)]. Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho NV trực khu nội trú, Nhà trường còn cử một số GV trực nội trú và bán trú theo lịch cụ thể [H21-1.10.24 (2)].

Canteen của Nhà trường có 07 NV phục vụ các bữa ăn trong ngày cho CBGV, NV và HS trong trường đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng và vệ sinh an toàn

thực phẩm [H21-1.10-09]; [H23-2.3-06].

Để đưa đón học sinh, Nhà trường ký Hợp đồng dịch vụ xe ô tô, hàng ngày có 06 xe với 12 NV lái xe và phụ xe làm nhiệm vụ đón trả học sinh ở tất cả các địa điểm [H23-2.3-07]; [H23-2.3-03 (2)].

c) NV nhà trường thực hiện tốt và hoàn thành các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện chế độ khen thưởng NV như đối với CBGV của trường để động viên khuyến khích NV hoàn thành tốt nhiệm vụ [H23-2.3-08]; [H23-2.3-09]; [H23-2.3-10].

Các hoạt động dịch vụ do văn phòng quản lý đều đảm bảo yêu cầu về an toàn, chất lượng, văn minh, CBGV, học sinh và phụ huynh HS hài lòng, để khẳng định hiệu quả của các hoạt động dịch vụ đó ngày 22/9/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang đã ký Quyết định số 577/QĐ-UBND về việc Công nhận Nhà trường đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm học 2020-2021. [H23-2.3-12].

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên của Nhà trường đảm bảo điều hành và đáp ứng nhu cầu cho công tác quản lý, phục vụ GV, HS trong thời gian ở Trường và các hoạt động khác theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT Thông tư Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H23-2.3-01]; [H23-2.3-02]; [H23-2.3-06 (1)]; [H23-2.3-07].

b) Thời gian thành lập của Nhà trường chưa có đủ 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm TĐG, nhưng NV của Nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có nhân viên vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế chuyên môn, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-14].

Mức 3

a) Tất cả NV của Văn phòng đều được đào tạo đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. NV văn phòng đều có chuyên môn, nghiệp vụ [H22-2.2-04].

Các đơn vị cung cấp dịch vụ thuộc sự quản lý của Văn phòng đều đạt chuẩn về đào tạo nghiệp vụ, NV y tế có Bằng tốt nghiệp ngành Y-Dược, lái xe ô tô có Bằng lái còn thời hạn, nhân viên Canteen có Chứng chỉ nghiệp vụ nấu ăn [H23-2.3-13]; [H23-2.3-14]; [H23-2.3-15].

b) Hàng năm, tất cả các NV văn phòng đều được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng CM, NV theo vị trí việc làm [H23-2.3-16].

2. Điểm mạnh

- Số NV được đào tạo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Nhà trường phân công phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực, sở trường của cá nhân và phù hợp với điều kiện thực tế đơn vị.

- 100% NV của Nhà trường đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tính đến thời điểm đánh giá, Nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhân viên văn thư lưu trữ còn chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ quản lý văn thư lưu trữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục cử nhân viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho các thành viên để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Cử nhân viên văn thư tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ văn thư lưu trữ.

- Thời gian: Bắt đầu từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

a) Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

- a) Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực

đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) HS của Trường đáp ứng yêu cầu về độ tuổi HS theo quy định Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học [H6-1.5-02]; [H6-1.5-03 (1)]; [H7-1.5-03 (2)]; [H7-1.5-03 (3)];

b) Đầu năm học Nhà trường tổ chức học tập các nội quy của trường, lớp cho HS, triển khai học tập và dán niêm yết Quy tắc ứng xử văn hóa của HS tại các lớp học và khuôn viên trường [H23-2.4-01]. HS thực hiện đầy đủ Nhiệm vụ của HS và Quy định về các hành vi HS không được làm theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. HS thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập, đi học đều và đúng giờ; biết giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. HS hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, NV và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. HS thường xuyên được rèn luyện thân thể và giữ vệ sinh cá nhân. HS được tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; biết giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Biết bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, của địa phương [H2-1.3-14]; [H2-1.3-15]; [H2-1.3-16]; [H1-1.1-14]; [H1-1.10.18]; [H21-1.10.18]; [H23-2.4-02].

c) HS của TSE luôn được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng, không có hiện tượng phân biệt, kì thị, được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức; được chăm sóc và giáo dục hoà nhập theo quy định, được nhận học bổng và được hưởng chế độ theo quy định [H1-1.1-14]; [H23-2.4-05]; [H15-1.6-08]; [H23-2.4-06]; [H23-2.4-07]; [H23-2.4-08].

Mức 2

Nhà trường triển khai đầy đủ tới HS Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học về các hành vi không được làm, có kế hoạch theo dõi để hỗ trợ, giáo dục và xử lý HS vi phạm theo quy định [H4-1.4-07 (2)]; [H1-1.1-14]. Trong giai đoạn TĐG, Nhà trường không có HS vi phạm tệ nạn xã hội [H1-1.1-14]. Tuy nhiên, một số HS chưa thực hiện tốt nhiệm vụ học tập thường xuyên nên kết quả học tập chưa cao.

Mức 3

Trong 2 năm học vừa qua, HS có thành tích trong học tập, rèn luyện đều được tuyên dương, khen thưởng kịp thời và có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường, cụ thể:

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường đã tổ chức 01 giải thể thao TSE mở rộng với 15 đơn vị trường học gần 500 VĐV trong tỉnh tham gia, là cơ hội để HS, GV của Trường được giao lưu học hỏi kinh nghiệm tổ chức quản lý, huấn luyện, kinh nghiệm thi đấu tình đoàn kết với các đơn vị bạn [H23-2.4-09].

Công tác bồi dưỡng HS giỏi luôn được chú trọng. Hàng năm, BGH có kế hoạch ôn thi HS giỏi ngay từ đầu năm, phân công CBGV tăng cường ôn luyện cho HS các môn văn hóa nhằm tạo nguồn cho các năm học tiếp theo [H23-2.4-10]; [H24-2.4-10]. Kết quả năm học 2019-2020, Nhà trường mới chỉ có 01 em đạt giải trong kỳ thi chọn HSG lớp 9 THCS. Nhưng năm học 2020-2021, HS của Trường đã tham gia đầy đủ các kỳ thi chọn HS giỏi do Sở GD&ĐT tổ chức và đã có 15 HS đã đạt giải trong các cuộc thi đó [H2-1.2-14]; [H2-1.2-15 (2)]. Trong đó:

- + Kỳ thi chọn HSG lớp 9 THCS: 01 giải KK, 2 giải Nhì, 01 giải Ba.
- + Kỳ thi chọn HSG lớp 11 THPT: 01 giải KK.
- + Cuộc thi Olympic Tiếng Anh: 01 giải KK, 01 giải Ba.
- + Cuộc thi KHKT cấp tỉnh dành cho HS Trung học: 02 HS đạt giải Nhì.
- + Cuộc thi TNTH dành cho HS Trung học cơ sở: 03 giải KK.
- + Cuộc thi TNTH dành cho HS THPT: 02 giải KK, 01 giải Ba.

2. Điểm mạnh

- Học sinh được đảm bảo thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Nhà trường đã có những giải pháp ngăn ngừa và xử lý kịp thời các biểu hiện vi phạm đạo đức.

- Tuy mới đi vào hoạt động được 03 năm nhưng số lượng HS của TSE đã đạt được nhiều giải trong các kỳ thi HS giỏi các cấp.

3. Điểm yếu

Một số HS chưa thực hiện tốt nhiệm vụ học tập thường xuyên nên kết quả học tập chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền, giáo dục việc thực hiện Nội quy, Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học

tới HS.

- Tiếp tục phân công GV có kinh nghiệm giảng dạy; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cụ thể chi tiết, có kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch để nâng cao chất lượng, số lượng HS giỏi, đồng thời cải thiện chất lượng học tập cho HS yếu kém.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Chọn những giáo viên có năng lực và tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm làm công tác chủ nhiệm lớp, đồng thời tăng cường phối hợp của Tổ Tư vấn tâm lý học đường để giáo dục HS cá biệt cả về vật chất lẫn tinh thần để các em có điều kiện rèn luyện và học tập tốt hơn.

- Tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm nhằm tạo nhiều sân chơi tinh thần thu hút và giáo dục toàn diện HS.

- Thời gian: Thực hiện trong năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

** Những điểm mạnh:*

100% đội ngũ CB quản lý, GV trong Nhà trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. CBGV có năng lực nghiên cứu khoa học với nhiều sản phẩm có chất lượng được công bố rộng rãi trong nước và quốc tế.

Nhân viên đủ về số lượng, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, tính đến thời điểm TĐG không có NV vi phạm quy định.

HS được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định. Số lượng HS giỏi cấp tỉnh tăng nhanh cả về chất lượng và số lượng qua từng năm.

** Những tồn tại:*

Một số ít GV trẻ của Nhà trường còn thiếu những kỹ năng mềm. Đối với NV văn thư lưu trữ còn chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ quản lý văn thư lưu trữ.

Một số HS chưa thực hiện tốt nhiệm vụ học tập thường xuyên nên kết quả học tập chưa cao.

Đánh giá Tiêu chuẩn 2:

* Về tiêu chí:

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4
- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

* Về chỉ số:

- Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 20/26 chỉ số
- Số lượng các chỉ số không đạt yêu cầu: 6 chỉ số
- + Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4
- + Số tiêu chí đạt: 4
- + Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**Mở đầu:**

Trường Phổ thông Tuyên Quang là một đơn vị trực thuộc trường Đại học Tân Trào, có khuôn viên riêng biệt, rộng, thoáng mát. Xung quanh Trường có tường bao, có cổng trường, biển trường. Trong Trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Tại các phòng học, phòng hành chính có đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập, quản lý. Ngoài ra, Nhà trường còn có hệ thống các phòng học Tin học, phòng học Ngoại ngữ, phòng học bộ môn, phòng học đa năng được trang bị đầy đủ các thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu người dạy và người học. Hệ thống thư viện hiện đại kết nối với thư viện của các trường đại học khác của Việt Nam và các trường đại học đối tác nước ngoài để khai thác tài liệu số, có mạng nội bộ phục vụ nhu cầu mượn, trả sách, tài liệu, giáo trình,... Các thiết bị đồ dùng được quản lý và sử dụng thường xuyên, có hiệu quả. Khu vực hoạt động thể dục thể thao và sân chơi rộng, có cây xanh bóng mát và nhiều hình thức tập luyện. Trong khuôn viên trường, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập của GV và HS.

Điểm khác biệt của TSE đối với các trường công lập khác trong khu vực, trường có học sinh nội trú, bán trú các cấp Tiểu học, THCS, THPT đem đến nhiều lợi thế trong việc giáo dục, quản lý và định hướng giáo dục HS, rèn luyện tính kỷ luật, tinh thần tự giác, cách thức thích nghi và hòa nhập với cộng đồng.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

a) Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

a) Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Phổ thông Tuyên Quang với diện tích đất sử dụng chung gần 60 ha với 03 cơ sở cùng với trường ĐHTT [H25-3.1-01]. Khuôn viên trường có cây bóng mát, bồn hoa, cây cảnh luôn xanh, sạch, đẹp, thoáng mát đảm bảo quy định [H25-3.1-02]. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch triển khai thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, xây dựng xanh hóa lớp học, sân trường [H23-2.3-03 (3)]. Chi đoàn Nhà trường đã thành lập Câu lạc bộ Cây Xanh và hàng năm thực hiện nhiều công trình thanh niên tại các địa điểm trong trường như: Đại lộ 14/8, sân ký túc xá, sân trước cửa Hội trường [H25-3.1-03]; [H25-3.1-04].

b) Trường có cổng trường, biển trường theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, xung quanh trường có hệ thống hàng rào đảm bảo cho việc dạy và học của GV và HS [H25-3.1-05].

c) Khu sân chơi có bồn hoa, cây bóng mát và đảm bảo vệ sinh; Khu vực luyện tập Thể dục thể thao có đủ thiết bị cho tất cả các loại hình luyện tập, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động của nhà trường [H25-3.1-06].

Mức 2

Khu vực hoạt động thể dục thể thao của Nhà trường dùng chung CSVC của trường ĐHTT gồm nhà thi đấu đa năng 3.529m², sân vận động, bể bơi, các sân tập bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông..., tổng diện tích rộng trên 12.000m². Trong đó, bãi tập được đầu tư, phục vụ cho các hoạt động giáo dục như: vui chơi, học thể dục, tập thể dục giữa giờ, hoạt động ngoại khóa, tổ chức chuyên đề và các hoạt động khác của trường [H25-3.1-06]. Năm học 2020-2021 nhà trường đã tổ chức Giải thi đấu Thể dục thể thao TSE mở rộng, lần thứ nhất (TSE-SCO No.1, 2020), phối hợp tổ chức và tham gia Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Tuyên Quang lần thứ X, năm 2020... [H1-1.1-14]; [H23-2.4-07]; [H25-3.1-07].

Mức 3

Diện tích khuôn viên trường đạt 56,7m²/học sinh [H25-3.1-01]. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích bằng 64.2% tổng diện tích sử dụng của trường [H25-3.1-01] (3)]. Tuy nhiên, do sử dụng chung khuôn viên với trường ĐHTT, diện tích lớn nên cũng ảnh hưởng ít nhiều đến việc quản lý HS.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên và đảm bảo các yêu cầu về xanh - sạch - đẹp - an toàn; Hệ thống sân chơi, bãi tập thể dục thể thao rộng vượt chuẩn quy định, có đầy đủ hệ thống các trang thiết bị tập luyện tất cả các môn thể dục thể thao và đáp ứng được nhu cầu luyện tập của GV, HS.

3. Điểm yếu

Do sử dụng chung khuôn viên với trường ĐHTT và có diện tích lớn, nhiều cổng ra vào nên cũng ảnh hưởng ít nhiều đến việc quản lý HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”, trồng thêm nhiều cây xanh nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng cảnh quan sư phạm trường học.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp: Xây dựng kế hoạch phối hợp với Phòng Hành chính - Quản trị trường ĐHTT để tăng cường hoạt động của đội ngũ bảo vệ trong việc quản lý

HS ra vào tại các khu cổng trường.

- Thời gian: Thực hiện từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

a) Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Toàn trường có 21 phòng học kiên cố đảm bảo học 2 buổi/ngày [H25-3.1-01(4)]. Mỗi phòng học được trang bị đủ bàn ghế cho GV, bàn ghế HS đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho HS (30 HS/lớp). Lớp học đảm bảo đủ điều kiện về âm thanh, ánh sáng, phòng học thoáng mát. HS ngồi mọi vị trí trong lớp cũng có thể quan sát rõ chữ viết trên bảng [H14-1.6-06 (2)]; [H25-3.2-01]; [H25-3.2-02].

b) Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định: Gồm có 12 phòng học bộ môn, trong đó có: 04 phòng học Tin học và phòng học Ngoại ngữ 749m²; 01 phòng học Âm nhạc, 01 phòng học Mỹ thuật, 01 phòng học Công nghệ, 02 Phòng học Vật Lý, 01 phòng học Hóa, 01 phòng học môn Sinh học, 01 phòng học đa năng [H25-3.2-03]. Diện tích các phòng học bộ môn đảm bảo đúng quy

định của Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông [H25-3.1-01 (4)]; [H25-3.2-01].

c) Nhà trường có phòng truyền thống chung trong Phòng truyền thống của trường ĐHTT và 01 phòng Đoàn-Đội được bố trí tại phòng 301 nhà A [H25-3.2-04]. Thư viện của TSE sử dụng chung thư viện và tài nguyên của trường ĐHTT [H25-3.1-01 (7)]; [H25-3.2-05].

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS học tập [H25-3.1-01 (4)]; [H25-3.2-06]; [H25-3.2-01]. Các phòng học bộ môn được đầu tư thiết bị dạy học đặc trưng của mỗi bộ môn, thiết bị dạy học hiện đại [H25-3.2-03]. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và bảo quản tài sản, Nhà trường xây dựng nội quy và quy định sử dụng đối với từng loại phòng cụ thể [H25-3.2-07]. Tuy nhiên, phòng học được xây dựng từ nhiều năm trước nên không có đường đi riêng cho học sinh khuyết tật.

b) Khởi phục vụ học tập gồm các phòng chức năng: Thư viện, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng Tư vấn học đường, nhà đa năng, hội trường lớn, các phòng họp, tiền sảnh đáp ứng được mọi yêu cầu hoạt động giáo dục của Nhà trường và theo quy định [H25-3.1-01].

Mức 3:

a) Các phòng học của Nhà trường được thiết kế phù hợp với từng cấp học từ Tiểu học, THCS, THPT, mỗi phòng học ngoài bàn ghế của GV và HS, bảng từ chống lóa nền xanh, kích thước 3.2m x 1.2m theo đúng quy định của Ngành, còn được trang bị hệ thống đèn chiếu sáng, quạt trần, tivi, điều hòa nhiệt độ, máy chiếu, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học (cấp tiểu học, THCS)... với những điều kiện đó đảm bảo cho Nhà trường tổ chức học tập 02 ca/ngày [H25-3.1-01 (4)]; [H25-3.2-01]; [H25-3.2-02]; [H14-1.6-06 (2)].

Các phòng học bộ môn được thiết kế theo đúng quy định ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, các phòng học bộ môn được trang bị, lắp đặt các thiết bị dạy học chuyên dùng đáp ứng yêu cầu thí nghiệm, thực hành để tổ chức dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục [H25-3.2-03]. Thiết bị dạy học trong phòng học bộ môn được bố trí, sắp xếp hợp lý, khoa học, phù hợp về yêu cầu kỹ

thuật, công năng sử dụng, nội dung môn học nhằm bảo đảm thuận tiện khi sử dụng, bảo quản và không làm giảm tính năng của từng phòng học bộ môn [H25-3.2-06]. Ngoài ra, các phòng còn được trang bị thêm các thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ cho việc giảng dạy như: máy chiếu, máy tính...

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập đảm bảo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

3. Điểm yếu

Các phòng học không có đường đi riêng cho học sinh khuyết tật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch bổ sung, tu sửa kịp thời cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp: Cải tạo một số đường đi dành cho học sinh khuyết tật.
- Nguồn kinh phí: Kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của TSE.
- Thời gian: Thực hiện năm học 2022 - 2023.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

- a) Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

- a) Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý,

khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ các phòng trong khối hành chính quản trị bao gồm 21 phòng làm việc: 03 phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; 04 phòng làm việc của khối văn phòng; 06 phòng làm việc cho các tổ chuyên môn, 05 phòng chờ GV; 01 phòng y tế học đường, 02 phòng họp 100 chỗ và 70 chỗ [H23-3.1-01(5)]. Nhà trường có khu canteen với trang thiết bị hiện đại; Khu ký túc xá có 02 phòng bảo vệ và thường trực, 29 phòng ở đáp ứng được các yêu cầu cho học sinh ở nội trú và bán trú, ngoài ra có 03 phòng kho chứa đồ và thiết bị phục vụ [H25-3.1-01 (5)]. Các phòng làm việc của khối phòng hành chính - quản trị đều được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành đáp ứng yêu cầu cho công tác quản lý, phù hợp với môi trường giáo dục [H25-3.2-01]; [H25-3.3-01]; [H25-3.3-02].

b) Khu để xe cho GV, NV, HS được bố trí hợp lý trong khuôn viên trường gồm: 04 khu để xe của CB, GV, NV riêng biệt rộng rãi, có đủ chỗ xe, được xây dựng kiên cố, có mái che đảm bảo yêu cầu, không bị mưa, nắng nên xe được bảo quản tốt; 02 khu để xe cho HS, đảm bảo đủ chỗ để, được xây dựng kiên cố, có mái che đảm bảo yêu cầu [H25-3.3-03]. Nhà trường có hợp đồng với nhân viên trông xe nên đảm bảo an toàn [H23-2.3-05].

c) Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch kiểm kê, rà soát về số lượng và chất lượng thiết bị khối hành chính, có biên bản tiêu hủy và có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mua sắm bổ sung các thiết bị đó đảm bảo cho hoạt động của khối hành chính được vận hành thông suốt [H25-3.3-04]; [H25-3.2-01]; [H25-3.3-05]; [H25-3.3-06].

Mức 2

Khối hành chính quản trị được bố trí theo quy định, trong mỗi phòng có đủ các phương tiện phục vụ cho CB, GV và NV làm việc [H25-3.1-01(5)]; [H25-3.2-01]; [H25-3.3-01]. Nhà ăn với diện tích trên 1000m², với trang thiết bị hiện đại, hoạt động 1 chiều đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phục vụ cùng lúc trên 700 suất ăn [H25-3.1-01(5)]; [H21-1.10-08]; [H21-1.10-11]; [H21-1.10-12]. Khu Nhà nghỉ cho CB, GV được thiết kế trong khuôn viên trường, các phòng ở đều thoáng mát, được trang bị một số vật dụng như: Tủ đựng đồ, giường... mỗi phòng đều được thiết kế khu vệ sinh khép kín đảm bảo yêu cầu sử dụng [H25-3.1-01(5)]; [H25-3.3-07]. Khu ký túc xá đáp ứng được các yêu cầu

cho học sinh ở nội trú và bán trú với lưu lượng trên 600 học sinh, mỗi phòng đều có khu vệ sinh và nhà tắm khép kín; phân phòng ở riêng cho nam và nữ, các phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị như: Giường, tủ đựng đồ, quạt... [H25-3.1-01(5)]; [H25-3.3-01]; [H25-3.3-08]. Tuy nhiên, khoảng cách giữa các khu lớp học, canteen, khu ký túc xá khá xa (khoảng 50m), đường di chuyển không có mái vòm nên khi mưa lớn CB, GV, NV và HS trong Nhà trường gặp khó khăn khi di chuyển.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ máy tính, máy in được kết nối mạng Internet, tủ lưu trữ hồ sơ tài liệu... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H25-3.1-01(5)]; [H25-3.2-01]. Phòng Y tế thoáng mát, vị trí thuận lợi, có trang bị tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, hệ thống phòng họp, hội trường có đủ hệ thống trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, màn hình LED, hệ thống làm mát, điều hòa nhiệt độ [H25-3.1-01(5) hoặc (3)]; [H25-3.3-09]; [H25-3.3-10]; [H25-3.3-11]; [H16-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính - quản trị khang trang, hiện đại được đặt ở vị trí phù hợp, thuận tiện để thực hiện các hoạt động hành chính - quản trị, có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

3. Điểm yếu

Khoảng cách giữa các khu dịch vụ và chỗ nghỉ của HS khá lớn nên có khó khăn cho GV và HS, nhất là HS tiểu học di chuyển khi trời có mưa lớn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục phát huy duy trì, bảo trì, bảo dưỡng và sử dụng có hiệu quả các khu hành chính-quản trị, hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện có để phục vụ tốt các yêu cầu công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp: Cần có phương án chuẩn bị kinh phí làm mái che trên đường đi giữa các khu lớp học, nhà ăn, ký túc xá để CB, GV, NV và HS đi lại thuận tiện hơn, không bị ảnh hưởng do thời tiết mưa, nắng.

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi thường xuyên của Nhà trường.
- Thời gian: Từ năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có các công trình vệ sinh riêng biệt cho CBGV, NV và HS riêng biệt ở mỗi tầng của khu nhà làm việc và khu lớp học [MC: H25-3.1-01 (5)]; các công trình đều được chia thành 02 phòng nam, nữ riêng biệt. Tất cả các phòng vệ sinh đều có hệ thống máng tiêu (đối với phòng vệ sinh nữ), bệ tiêu nam, bệ xí, chậu rửa, có cửa đóng, mở. Khu vệ sinh được thiết kế thoáng mát, thường xuyên được giữ gìn sạch sẽ; vị trí đặt nhà vệ sinh phù hợp cảnh quan môi trường, các công trình vệ sinh đều có hệ thống nước sạch, khăn mặt và xà phòng để sử dụng hàng ngày cho CBGV, NV và HS; Nhà trường có hợp đồng với nhân viên vệ sinh để đảm bảo các công trình vệ sinh luôn sạch sẽ [H25-3.1-01 (6)]; [H23-2.3-03 (3)].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước được thiết kế xây dựng theo quy hoạch đảm bảo vệ sinh môi trường [H25-3.1-01(2)]; [H25-3.01-01(5)]. Nhà trường đã hợp đồng với Công ty Nước Tuyền Quang cung cấp nước sạch cho HS, CB, GV và NV sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn [H25-3.4-01]. Đồng thời đã có

hệ thống cung cấp nguồn nước sạch (nước máy) đáp ứng được yêu cầu dùng chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Để đáp ứng nhu cầu nước trực tiếp cho HS, CB, GV và NV Nhà trường cũng đã lắp đặt hệ thống máy lọc nước tại đầu mỗi tầng của khu nhà làm việc và khu lớp học để cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn vô khuẩn [H25-3.4-02]. Ngoài ra, Nhà trường đã hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường để làm công tác vệ sinh và thu gom rác thải đảm bảo môi trường, lớp học luôn sạch đẹp và đạt tiêu chuẩn [H23-2.3-03 (3)].

Mức 2

a) Nhà trường có khu vệ sinh được xây dựng theo thiết kế, quy hoạch nên đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H25-3.1-01 (6)].

b) Hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của Nhà trường đảm bảo theo Quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT của của Bộ GD-ĐT và Bộ y tế về công tác y tế trường học [H25-3.1-01 (2)]; [H25-3.1-01 (5)]; [H25-3.4-03]; [H23-2.3-03 (3)]. Hệ thống thoát nước được phê duyệt theo công trình xây dựng của cấp có thẩm quyền; hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp. Nhà trường có thùng đựng rác và phân loại rác, bố trí đủ các phương tiện dụng cụ có nắp đậy để chứa đựng rác tạm thời, khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với khu học tập của học sinh [H25-3.4-03]. Hàng ngày, rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh. Tuy nhiên, một số khu hệ thống thoát nước đã xuống cấp.

2. Điểm mạnh

Hệ thống nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý rác thải được thiết kế chuẩn, bố trí hợp lý đảm bảo thuận lợi khi sử dụng và vệ sinh môi trường.

Nước uống, nước sinh hoạt của giáo viên và học sinh đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn quy định. Đặc biệt, hệ thống máy lọc nước vô khuẩn được lắp đặt thuận tiện.

3. Điểm yếu

Một số khu hệ thống thoát nước đã xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng khu nhà vệ sinh, kiểm tra thường xuyên

chất lượng nước uống, nước sinh hoạt. Thực hiện nghiêm việc đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom rác thải đúng nơi quy định.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp: Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước ở những khu bị xuống cấp.
- Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi thường xuyên của Nhà trường.
- Thời gian: Từ năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

- a) Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị và đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng và các thiết bị điện tử... theo quy định [H25-3.2-01]; [H25-3.5-01]; máy vi tính; máy in đã được nối mạng Internet đảm bảo việc cập nhật thông tin, đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý và các hoạt động giáo dục, có hợp đồng hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet.

- b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu cho từng cấp học, sắp xếp

khoa học, hợp lí phục vụ cho GV mượn, trả thuận lợi. Đồng thời có danh mục thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học [H25-3.5-01]; [H25-3.5-02]; [H14-1.6-06 (2)];

c) Hàng năm, Tổ Văn phòng tiến hành kiểm kê các thiết bị dạy học, phối hợp với phòng Hành chính - quản trị trường ĐHTT thực hiện thống kê, sửa chữa kịp thời các thiết bị phục vụ dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục [H25-3.3-04]; [H25-3.2-01]; [H25-3.3-06].

Mức 2

a) Nhà trường có 10 máy tính, 3 máy in phục vụ công tác quản lý, 04 phòng học môn Tin học được trang bị với 120 máy tính phục vụ hoạt động dạy và học. Tất cả các máy tính trong Nhà trường đều được kết nối Internet bằng mạng Lan và Wifi [H25-3.5-02]. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Tổ kỹ thuật - Trung tâm Tin học-Ngoại ngữ Trường ĐHTT thực hiện bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa khi có sự cố hệ thống mạng, hệ thống máy tính, máy chiếu và thiết bị công nghệ thông tin trong Nhà trường [H25-3.5-03].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học phục vụ việc dạy học theo quy định. Ngoài ra, Nhà trường còn trang bị thêm tivi, máy chiếu projector tại các phòng học lý thuyết; các thiết bị thí nghiệm bổ trợ trong các phòng thí nghiệm thực hành, máy tính trong các phòng học Tin học, Ngoại ngữ; đàn organ, ghita, kèn trumpet, đàn tính,... trong các phòng học Âm nhạc; dụng cụ thiết bị các môn mỹ thuật trong phòng học Mỹ thuật,... [H14-1.06-06 (1)]; [H25-3.02-01]; [H25-3.02-03]; [H25-3.05-02].

c) Hàng năm, Nhà trường thường xuyên quan tâm mua sắm bổ sung các thiết bị, đồ dùng dạy học và chỉ đạo giáo viên tự làm thiết bị dạy học đối với khối Tiểu học như: vẽ tranh, các vật dụng dùng trang trí lớp học, các hình ảnh, mô hình các loài vật học sinh yêu thích, đối với khối THCS, THPT gồm có các môn: Hóa Học, Vật lý, Mỹ thuật... [H25-3.5-04]. Tuy nhiên, trang thiết bị dạy học tự làm đối với khối THPT còn ít do giáo viên dạy 2 buổi/ngày nên có rất ít thời gian để chuẩn bị.

Mức 3

Phòng thí nghiệm có đủ các thiết bị, khu thực hành rộng đảm bảo diện tích theo quy định, hoạt động thường xuyên hiệu quả và đạt kết quả cao, cụ thể: Năm học 2020-2021 với sự nỗ lực của tập thể CB, GV tổ Khoa học tự nhiên đã đạt được nhiều giải cao trong Cuộc thi thí nghiệm thực hành cấp tỉnh môn Vật lý, Hóa học, Sinh học [H25-3.2-03]; [H1-1.2-14]; [H1-1.2-15 (2)]. Điều này

khẳng định trường Phổ thông Tuyên Quang là môi trường thực hành tốt, việc khai thác, sử dụng các thiết bị dạy học một cách hiệu quả đã đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Thiết bị thí nghiệm, thực hành các bộ môn của TSE đảm bảo cho việc dạy và học chất lượng cao đối với cả 3 cấp học trong nhà trường. Hệ thống công nghệ thông tin, trang thiết bị điện tử, máy chủ, đường truyền của TSE đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động quản lý và khai thác tài nguyên kỹ thuật số.

3. Điểm yếu

Chưa có nhiều thiết bị dạy học tự làm của khối THPT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục xây dựng kế hoạch mua sắm và bảo trì, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị thí nghiệm thực hành và thiết bị công nghệ thông tin nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động quản lý và dạy học.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp: Bố trí thời gian hợp lý, giao nhiệm vụ cho GV nhất là GV khối THPT trong việc thiết kế các đồ dùng dạy học tự làm.

- Nguồn kinh phí: Nhà trường hỗ trợ một phần từ nguồn chi thường xuyên.

- Thời gian: Thực hiện từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, HV, NV, HS.

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

a) Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn (trở lên).

Mức 3:

a) Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a. Thư viện trường Phổ thông Tuyên Quang dùng chung cơ sở vật chất với Trung tâm Thông tin - Thư viện trường ĐHTT. Tổng diện tích của Trung tâm Thông tin - Thư viện là trên 600 m² gồm 01 phòng đọc mở, 01 phòng truy cập dữ liệu, 02 phòng mượn; 02 kho sách dùng phục vụ bạn đọc và 01 kho sách dùng để lưu trữ, 03 phòng làm việc của cán bộ, nhân viên thư viện [H25-3.1-01 (7)]; [H25-3.2-05]; [H25-3.6-01]; [H14-1.6-07]. Thư viện có đầy đủ giáo trình, sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hiện nay, Thư viện có trên 6.000 đầu sách, hơn 180.000 bản sách, trong đó sách nghiệp vụ cho các cấp từ Tiểu học đến Trung học phổ thông gần 600 đầu sách, hơn 16.000 bản sách; số lượng báo, tạp chí được cập nhật theo nhu cầu của bạn đọc [H25-3.6-01]. Thư viện có hệ thống kết nối với Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên và nhiều trường đại học khác trong nước và kết nối quốc tế với Trường Đại học Northern Philippines [H25-3.6-02]. Thư viện có đầy đủ hồ sơ quản lý theo quy định [H14-1.6-07].

b. Hoạt động của thư viện hiện nay đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV, HS, cụ thể:

Thư viện có 01 phòng đọc mở, 02 phòng mượn với diện tích tổng cộng trên 800m² với trên 400 chỗ đọc sách và phòng tra cứu Internet được bố trí ở vị trí thuận lợi, mở cửa tất cả các buổi học/tuần, có cán bộ phụ trách thư viện phục vụ kịp thời các hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB quản lý, GV, NV, HS [H25-3.6-03].

Bên cạnh các hoạt động trên, Thư viện nhà trường còn tổ chức các tiết dạy Thư viện đối với học sinh cấp Tiểu học, THCS, THPT với thời lượng 1 tiết/tuần/lớp. Nội dung chương trình do Giám đốc Trung tâm thông tin thư viện

định hướng và phân công cán bộ thư viện thực hiện nhiệm vụ giảng dạy nhằm hướng dẫn học sinh biết khai thác, tìm kiếm, sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các sản phẩm dịch vụ thông tin - thư viện thông qua các hình thức phục vụ của thư viện phù hợp với quy định của pháp luật [H25-3.6-04]; [H25-3.2-05]. Để tăng tính hiệu quả trong các tiết học Thư viện, Nhà trường đầu tư thêm màn hình Led, loa để học sinh được học, trao đổi, tăng kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện trước đám đông [H25-3.6-05].

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: Hướng ứng kế hoạch ngày sách Việt Nam 21/04/2021 của trường ĐHTT, trường Phổ thông Tuyên Quang đã tích cực tổ chức tuyên truyền giới thiệu sách; hướng dẫn CB, GV, NV và HS trong toàn trường khai thác, sử dụng tài nguyên trong thư viện trường ĐHTT [H25-3.6-06]; [H25-3.6-07]. Ngày 19/04/2021, trường Phổ thông Tuyên Quang đã trao tặng hơn 1.000 đầu sách cho Trung tâm Thông tin Thư viện Trường ĐHTT nhân dịp kỉ niệm Ngày sách Việt Nam (21/4/2021) và hưởng ứng tuần lễ sách góp phần nâng cao chất lượng tủ sách của thư viện nhà trường [H25-3.6-07].

c. Hàng năm, Thư viện thường kiểm kê, bổ sung sách giáo khoa, báo, tạp chí và các xuất bản phẩm tham khảo với nhiều hình thức như: Mua sắm từ nguồn chi thường xuyên, các nguồn tài trợ [H25-3.6-08], [H25-3.6-09]. Ngoài ra, hàng năm nhà trường làm tốt hoạt động quyên góp sách giáo khoa, sách tham khảo từ CB, GV, NV và HS đảm bảo 100% HS có hoàn cảnh khó khăn được mượn sách giáo khoa sử dụng cho học tập [H25-3.6-06].

Mức 2

Thư viện trường ĐHTT đã đạt tiêu chuẩn theo kết quả công nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học năm 2019. Trường Phổ thông Tuyên Quang sử dụng chung tài nguyên của trường đại học nên thừa hưởng kết quả Kiểm định chất lượng của Trường ĐHTT [H25-3.6-10].

Mức 3

Thư viện của Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet để khai thác tài liệu số hóa với các thư viện lớn trong nước như Trung tâm Học liệu Đại học Thái Nguyên, thư viện của các trường đại học quốc tế có khối phổ thông tương đồng như Trường đại học Northern Philippines, hoàn toàn đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB quản lý, GV, NV và HS [H25-3.2-05]; [H25-3.6-01]; [H14-1.6-07]; [H25-3.6-02]. Tuy nhiên, diện tích để tạo khu vực thư viện thân thiện, thư viện xanh còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

- Thư viện nhà trường có đầy đủ giáo trình, sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Thư viện của Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet để khai thác tài liệu số hóa với các thư viện lớn trong và ngoài nước.

- Nhà trường tổ chức các tiết dạy về thư viện cho 100% HS với 1 tiết/tuần/lớp, thực hiện tốt các hoạt động đọc sách thường xuyên cho GV, HS thông qua các hình thức phòng đọc mở, các hoạt động ngoại khóa.

3. Điểm yếu

Diện tích để tạo khu vực thư viện thân thiện, thư viện xanh còn hạn chế, chưa thật sự rộng rãi để HS vừa đọc sách vừa chơi một cách thoải mái.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục duy trì tốt các hoạt động thư viện, thường xuyên bổ sung sách vở, tài liệu. Khai thác tốt kết nối với các thư viện số của các trường học trong nước và quốc tế.

4.2. Khắc phục điểm yếu:

- Biện pháp: Xem xét sắp xếp khu vực do thư viện quản lý để mở rộng diện tích khu vực đọc sách tạo nơi đọc sách thân thiện, thư viện xanh.

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi thường xuyên của Nhà trường.

- Thời gian: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

* Những điểm mạnh:

Khuôn viên, cảnh quan nhà trường khang trang, hiện đại, đạt tiêu chuẩn “xanh, sạch, đẹp, thoáng mát” đáp ứng nhu cầu giáo dục. Diện tích sân chơi bãi tập lớn, riêng biệt và có đủ các loại hình luyện tập thể dục thể thao.

Có đủ các phòng học và trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập của CB, GV, NV và HS. Phòng học bộ môn có đủ trang thiết bị thí nghiệm thực hành. Có đủ phòng phục vụ công tác quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động dịch vụ.

Có công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, thoát nước, thu gom xử lý rác thải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường. Nhà ăn đảm bảo tiêu chuẩn cao về hệ thống trang thiết bị, vận hành và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thư viện hiện đại hoạt động thường xuyên, hiệu quả đáp ứng nhu cầu cao cho các hoạt động nghiên cứu, dạy và học của CB, GV, NV và HS.

** Điểm yếu:*

Do hệ thống các công trình xây dựng từ trước nên một số khu hệ thống thoát nước đã xuống cấp.

Thiết bị dạy học tự làm của khối THPT còn hạn chế.

Khu vực thư viện thân thiện, thư viện xanh còn hạn chế.

Đánh giá Tiêu chuẩn 3:

** Về tiêu chí:*

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6
- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

** Về chỉ số:*

- Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 33/33
- Số lượng các chỉ số không đạt yêu cầu: 0
- + Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6
- + Số tiêu chí đạt: 6
- + Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy, BGH trường ĐHTT, sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn của Sở GD&ĐT tỉnh Tuyên Quang, sự quan tâm ủng hộ của các tổ chức đoàn thể khác, sự phối hợp trong công tác giáo dục của cha mẹ học sinh.

Việc phối hợp giữa Nhà trường và ban đại diện cha mẹ HS trong 2 năm học vừa qua đã và đang phát huy hiệu quả trong các hoạt động của Nhà trường, nhất là trong công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp và công tác vận động xã hội hóa hỗ trợ làm mới và tu sửa CSVV phục vụ dạy học. Mối quan hệ giữa Nhà trường với nhân dân và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên

địa bàn ngày càng chặt chẽ và phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của Trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

a) Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của Nhà trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ [H26-4.1-01], [H26-4.1-02]. Trong cuộc họp phụ huynh đầu năm, mỗi lớp họp toàn thể cha mẹ HS để bầu ra Ban Đại diện cha mẹ HS các lớp gồm 03 người (01 trưởng Ban, 01 phó ban, 01 ủy viên) [H26-4.1-07]. Toàn trường có một Ban đại diện cha mẹ HS của Nhà trường được Ban đại cha mẹ HS các lớp bầu ra gồm 03 người (01 trưởng Ban, 02 phó Ban) [H26-4.1-02]. Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ HS của Nhà trường bầu Ban Thường trực Ban đại diện cha mẹ HS để điều hành hoạt động theo từng năm học [H26-4.1-05].

b) Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền của Ban đại diện cha mẹ HS đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học để tổ chức các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền của Ban đại diện cha mẹ HS và các nội dung, kế hoạch hoạt động đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ HS, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của Nhà trường, địa phương

[H26-4.1-06].

c) Đầu năm học, Hiệu trưởng họp với Trưởng ban và Phó Trưởng ban của tất cả các Ban đại diện cha mẹ HS lớp để cử ra Ban đại diện cha mẹ HS trường. Sau đó, Hiệu trưởng chủ trì cuộc họp đầu tiên của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để Ban đại diện cha mẹ học sinh trường bầu ra Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên [H26-4.1-05]. Sau khi được bầu, Trưởng ban điều hành cuộc họp tất cả các Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ HS của các lớp để thông qua kế hoạch hoạt động cả năm học [H26-4.1-06].

Ban đại diện cha mẹ HS trường họp thường kỳ theo kế hoạch hoạt động cả năm học và họp bất thường khi có ít nhất 50% số thành viên hoặc trưởng ban đề nghị. Ban đại diện cha mẹ HS phối hợp với Ban giám hiệu và các GV chủ nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo nội dung, đúng tiến độ, đạt hiệu quả và phù hợp với chủ trương, kế hoạch của Nhà trường [H26-4.1-06], [H26-4.1-07], [H26-4.1-08].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ HS phối hợp có hiệu quả với Nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện cha mẹ HS trường; đồng thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ HS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh [H17-1.7-04], [H26-4.1-06], [H26-4.1-08]. Ban đại diện cha mẹ HS phối hợp với Nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức cho HS; bồi dưỡng, khuyến khích HS giỏi, giúp đỡ HS yếu kém; phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm; phối hợp cùng Nhà trường trong việc tổ chức các ngày lễ lớn như: Lễ khai giảng, Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, sơ kết và tổng kết năm học... [H26-4.1-06], [H26-4.1-07]; [H26-4.1-08]; [H26-4.1-09].

Mức 3

Sự phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ HS với Nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H26-4.1-02], [H26-4.1-07], [H26-4.1-08]. Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ HS phối hợp với Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS [H17-1.7-04], [H26-4.1-06], [H1-1.1-14]. Ban đại diện cha mẹ HS phối hợp với Nhà trường trong công tác hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ HS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo

vệ, giáo dục HS, hướng dẫn về công tác tổ chức và hoạt động cho các Ban đại diện cha mẹ HS lớp [H26-4.1-03], [H26-4.1-06], [H1-1.1-14]. Tuy nhiên, một số ít phụ huynh HS chưa mạnh dạn, chủ động thực hiện vai trò của mình.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ HS nhà trường hoạt động có hiệu quả, nhiệt tình, trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ với Nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Một số ít phụ huynh HS chưa mạnh dạn, chủ động thực hiện vai trò của mình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Nhà trường tiếp tục phối hợp và tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ HS của trường, của lớp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ HS.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Nội dung: Khắc phục những điểm yếu của một số phụ huynh HS.
- Biện pháp: Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về vai trò của phụ huynh HS. Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm bằng mọi hình thức để liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh để cùng giáo dục HS.
- Tài lực, vật lực: Kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị.
- Thời gian: Từ năm học 2021-2022.
- Kiểm tra: Hiệu trưởng thường xuyên liên hệ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để phối hợp chặt chẽ giáo dục tốt cho con em mình trong việc thực hiện nội quy trường lớp.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung

và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, Nhà trường tham mưu với Ban chấp hành Đảng bộ trường ĐHTT để thực hiện kế hoạch giáo dục của Nhà trường như: công tác giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục, công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp... các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền và vận động nhân dân ủng hộ các hoạt động nhà trường bằng cả vật chất lẫn tinh thần [H26-4.2-01]; [H26-4.2-02]

b) Ngay từ đầu năm học, trong các buổi sơ kết học kì, tổng kết năm học Nhà trường đã tuyên truyền với CB, GV, NV, phụ huynh HS, các tổ chức đoàn thể về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của Nhà trường [H1-1.1-14]; [H26-4.1-07].

c) Nhà trường tổ chức huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Tuyên Quang, Sở GD&ĐT Tuyên Quang và các quy định khác cho các hoạt động dạy và học cũng như hoạt động thể dục thể thao của nhà trường. Trong hai năm học vừa qua, Nhà trường nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các tổ chức, tập thể, cá nhân cho hoạt động học tập và trải nghiệm của học sinh cả về vật chất lẫn tinh thần [H26-4.2-02]. Tuy nhiên, số lượng các tổ chức, cá nhân ủng hộ về tài lực, vật lực cho các hoạt động của nhà trường còn hạn chế.

Mức 2

a) Hàng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ trường ĐHTT, chính quyền địa phương, trong đó nêu rõ những thuận lợi khó khăn và đề xuất các vấn đề đề cấp ủy chính quyền tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Ban chấp hành Đảng bộ trường ĐHTT và chính quyền địa phương luôn ủng hộ các kế hoạch của nhà trường một cách thiết thực và hiệu quả [H1-1.1-11].

b) Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh, tổ chức phối hợp với Trung tâm Thể dục thể thao trường ĐHTT tổ chức giảng dạy Giáo dục Quốc phòng An ninh và các lớp năng khiếu cho học sinh [H26-4.2-03]; [H26-4.2-04]. Bên cạnh đó, một số hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá có ý nghĩa thiết thực cũng được nhà trường thực hiện như các hoạt động chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ xã Trung Môn; vệ sinh môi trường; thăm hỏi và tặng quà gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương nhân ngày 27/7, 22/12... [H2-1.3-09].

Mức 3

Hàng năm, Nhà trường tham mưu Ban chấp hành Đảng bộ trường ĐHTT, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, Nhà trường có kế hoạch tổ chức những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động trải nghiệm để tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho GV và HS như: Tổ chức thường niên các giải thi đấu thể thao, các cuộc thi văn nghệ; tổ chức trao tặng sách nhân ngày Sách Việt Nam và tuần lễ học tập suốt đời [H26-4.2-04]; [H26-4.2-06]; [H1-1.1-14].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã tham mưu với Ban chấp hành Đảng bộ trường ĐHTT, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và cá nhân để thực hiện kế hoạch giáo dục của Nhà trường; tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức xã hội ngoài trường đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao, chưa thu hút được nhiều nguồn lực tài chính từ phía

các tổ chức, các nhân ngoài nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh: Tăng cường tổ chức các buổi giao lưu với các tổ chức xã hội trong địa bàn vào các ngày lễ lớn. Tiếp tục khuyến khích động viên kịp thời cả về tinh thần lẫn vật chất đối với những học sinh có tiến bộ, vượt khó trong học tập.

4.2. Khắc phục điểm yếu:

- Nội dung: Trong những năm tiếp theo, Nhà trường thường xuyên tham mưu với Đảng ủy, Trường Đại học Tân Trào, các tổ chức, đoàn thể của địa phương, để tăng cường nguồn lực, tài lực giúp nhà trường xây dựng CSVC, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kịp thời hỗ trợ động viên, khen thưởng HS.

- Biện pháp: Tăng cường phối hợp giữa Nhà trường với các tổ chức xã hội ngoài trường.

- Tài lực, vật lực: Huy động các nguồn lực các tổ chức cá nhân thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Thời gian: Thực hiện từ năm học 2021-2022.

- Kiểm tra: Hiệu trưởng thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

** Điểm mạnh*

- Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên kết hợp với Ban đại diện cha mẹ HS để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ HS làm việc theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ HS. Thường xuyên trao đổi thông tin giữa Nhà trường với Ban đại diện cha mẹ HS để nắm bắt thông tin kịp thời đưa ra các biện pháp giáo dục HS.

- Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng Nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

** Điểm yếu*

Nhà trường chưa thu hút được nhiều nguồn lực tài chính từ các tổ chức xã

hội và cá nhân ngoài trường cho các hoạt động phát triển của nhà trường.

Đánh giá Tiêu chuẩn 4:

* Về tiêu chí:

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2
- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

* Về chỉ số:

- Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 11/11 chỉ số
- Số lượng các chỉ số không đạt yêu cầu: 0
- + Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 2
- + Số tiêu chí đạt: 2
- + Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Các hoạt động giáo dục trong Nhà trường đều thực hiện theo chương trình của Bộ GD&ĐT; Sở GD&ĐT quy định và Chương trình giáo dục điều chỉnh được phê duyệt của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của ĐHTT. Các nhiệm vụ chỉ tiêu năm học đều được tập thể bàn bạc dân chủ và thống nhất thực hiện tại Hội nghị Cán bộ viên chức, người lao động đầu các năm học. Trong quá trình thực hiện có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Hàng năm, Nhà trường đề ra hàng loạt các biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác giảng dạy, học tập, hỗ trợ giáo dục cho HS như: các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động đoàn thể xã hội... thường xuyên nâng cao hiệu quả các hoạt động. Do vậy, hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục toàn diện của Nhà trường được duy trì ổn định và có chiều hướng đi lên.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

a) Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ khung chương trình và kế hoạch thời gian năm học của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Tuyên Quang và các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT Tuyên Quang, phòng GD&ĐT huyện Yên Sơn, Nhà trường đã sử dụng bộ phân phối chương trình dùng chung của toàn tỉnh trong năm học 2019-2020, 2020-2021 [H27-5.1-01; [H27-5.1-02]; [H275-5.1-03]; [H27-5.1-04]; [H27-5.1-05]; [H27-5.1-06]. Từ học kỳ II năm học 2019-2020 đến nay, khung chương trình đảm bảo các bộ môn, nội dung giảng dạy và được bổ sung các yêu cầu giảm tải do Bộ GD&ĐT quy định và thực tiễn của Nhà trường trên cơ sở hướng dẫn của Công văn số 1125/BGDĐT-GDTH ngày 31/3/2020; Công văn số 1113/BGDĐT-GDTrH ngày 30/3/2020 về việc Hướng dẫn Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019-2020 [H21-1.8-05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục Nhà trường, đồng thời chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch cụ thể cho nội dung của từng công việc do mình phụ trách, chuẩn bị các điều kiện CSVC, tổ chức triển khai phân phối chương trình dạy học, xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cho việc thực hiện chương trình dạy học, đảm bảo dạy đúng, dạy đủ chương trình ở các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục được Hội nghị Cán bộ GVNV Nhà trường đề ra [H17-1.7-05]; [H3-1.4-04]; [H17-1.7-03]; [H27-5.1-08].

Trong 02 năm học vừa qua, Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm

túc kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và phòng GD&ĐT huyện Yên Sơn. Đảm bảo đúng nội dung kiến thức quy định của chương trình từng môn học; coi trọng tất cả các môn học, bảo đảm kế hoạch dạy học: số tiết học, số bài học và trình tự thực hiện với những quy định về ôn tập, tổng kết, kiểm tra thường xuyên và định kỳ từng môn [H27-5.1-08]; [H27-5.1-09]. Các hoạt động giáo dục khác đều có kế hoạch chỉ đạo chung và kế hoạch cụ thể đối với từng mặt hoạt động đảm bảo mục tiêu giáo dục [H27-5.1-11]; [H27-5.1-12]. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, thực hiện dạy học theo chủ đề, Nhà trường đã chỉ đạo triển khai soạn giảng ở một số nội dung liên quan trong chương trình giảng dạy trong tất cả bộ môn, qua đó vừa góp phần thực hiện được mục tiêu giáo dục - đào tạo những con người tích cực, năng động, vừa thực hiện được chủ trương giảm tải, tránh được sự trùng lặp gây nhàm chán cho người học, giúp HS có khả năng tổng hợp lượng kiến thức đã học, đảm bảo được thời gian tổ chức dạy học của GV [H27-5.1-08]; [H27-5.1-09]; [H27-5.1-13].

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế và hướng dẫn thực hiện các nội dung điều chỉnh, khung kế hoạch thời gian năm học để kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học cho phù hợp như: Năm học 2020-2021 trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến giúp HS hoàn thành toàn bộ chương trình lớp học, cấp học theo quy định [H27-5.1-14].

b) Trong các tiết học của tất cả các môn học, GV giảng dạy đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học như: Hoạt động nhóm, kỹ thuật các mảnh ghép, Bàn tay nặn bột, dạy học STEM... tổ chức hoạt động dạy học đa dạng như: Hoạt động cá nhân - chia sẻ; hoạt động nhóm - điều hành hoạt động; thực hành thí nghiệm để kiểm tra kiến thức hay thí nghiệm để tìm ra kiến thức... đảm bảo mục tiêu dạy học [H27-5.1-15]. Trong chương trình dạy học, nội dung kiến thức trong mỗi tiết học đều được lựa chọn, tinh giản và thay thế để đảm bảo phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện cơ sở vật chất thiết bị dạy học trong nhà trường [H27-5.1-05]; [H27-5.1-06]; [H27-5.1-07]. Thông qua các hoạt động chuyên môn như: dự giờ, sinh hoạt chuyên đề... với các chủ đề về đổi mới phương pháp và các kỹ thuật dạy học tích cực; GV đã trao đổi, thảo luận, điều chỉnh, bổ sung đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS, bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường [H27-5.1-09]; [H3-1.4-06 (1)]; [H4-1.4-06 (2)]; [H4-1.4-08 (1)]; [H4-1.4-08 (2)]; [H5-1.4-08 (3)]; [H5-1.4-08 (4)]; [H5-1.4-08 (5)]; [H5-1.4-08 (6)]; [H5-1.4-09]. Trong các tiết học GV đã bồi dưỡng phương

pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn... được thể hiện rõ trong các tiết được dự giờ thường kì hay dự giờ đột xuất [H3-1.4-06 (1)]. Bên cạnh đó, hàng tháng các tổ chuyên môn trong Nhà trường cũng định kỳ tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong đó có đưa ra thảo luận một số chuyên đề theo nghiên cứu bài học để tìm ra phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm phát triển khả năng làm việc nhóm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H4-1.4-08 (1)]; [H4-1.4-08 (2)]; [H5-1.4-08 (3)]; [H5-1.4-08 (4)]; [H5-1.4-08 (5)]; [H5-1.4-08 (6)]; [H5-1.4-09].

c) Hàng năm, ngay từ đầu năm học Nhà trường luôn triển khai tới từng GV thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng các thông tư hướng dẫn của từng cấp học [H27-5.1-16]; [H27-5.1-04]. Trước mỗi kỳ thi, Nhà trường đã ban hành kế hoạch tổ chức kỳ thi trong đó quy định rõ hình thức thi, cấu trúc đề thi được xây dựng dựa trên ma trận, theo chuẩn kiến thức kỹ năng, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học [H27-5.1-12]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá được tổ chức đa dạng như: kiểm tra viết gồm trắc nghiệm khách quan và tự luận, vấn đáp, thực hành... đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả qua đó thúc đẩy được động lực thúc đẩy hoạt động học tập của HS [H27-5.1-08]; [H27-5.1-09]; [H27-5.1-13] Giáo viên thực hiện đánh giá học sinh thường xuyên, đánh giá định kì qua từng môn học.

Ngoài ra ở khối Tiểu học, GV ghi nhận xét trực tiếp vào bài, sản phẩm của HS một cách khoa học, câu từ ngắn gọn dễ hiểu, chỉ ra được ưu điểm, nhược điểm của HS tránh tình trạng gây áp lực cho các em [H27-5.1-16].

Cuối học kỳ, cuối năm học, Nhà trường đều thống kê chất lượng HS để kịp thời nắm bắt được chất lượng giảng dạy của GV, kết quả học tập của HS để kịp thời có kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp [H2-1.2-16].

Mức 2

a) Hiện nay, Nhà trường thực hiện chương trình dạy học đối với cả 3 cấp học Tiểu học, THCS, THPT đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS, thực hiện nghiêm túc theo công văn hướng dẫn giảng dạy, phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình [H17-1.7-05]; H3-1.4-04]; [H20-1.7-09]. Từ năm học 2020-2021, Nhà trường đã triển khai chương trình giáo dục 2018 cho lớp 1 và lớp 6 theo đúng yêu cầu.

Bên cạnh đó, trường Phổ thông Tuyên Quang còn xây dựng chương trình

mềm là các chương trình bổ trợ nâng cao kiến thức môn học, hỗ trợ học sinh giỏi, học sinh yếu kém, tăng cường khả năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm, chú ý phát triển năng khiếu cá nhân, thiết kế các hoạt động trải nghiệm... cho HS vào các buổi chiều song song với chương trình chính khóa [H28-5.1-18].

Năm học 2020-2021 nhà trường đã tổ chức Chương trình “Tiền Tiểu học” cho HS lớp 1 và chương trình ôn tập cho HS lớp 6 vào THCS, thông qua chương trình này HS được làm quen với môi trường học tập và nề nếp sinh hoạt tại trường Phổ thông Tuyên Quang; tiếp cận với chương trình học, biết sử dụng các đồ dùng học tập, sách giáo khoa, vở ghi...; Rèn cho học sinh kỹ năng xếp hàng, kỹ năng chào hỏi, giao tiếp với các thầy cô, bạn bè, hoạt động nhóm...[H29-5.1-19].

Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện liên kết với các đối tác quốc tế ở nước ngoài hoặc các cơ sở giáo dục quốc tế tại Việt Nam, đồng thời mời tư vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục phổ thông để giúp nhà trường phát triển đúng định hướng của chương trình mềm [H29-5.1-20]; [H29-5.1-21].

b) Qua quá trình dạy học, GV trực tiếp giảng dạy đã phân hóa đối tượng HS, phát hiện các HS có năng khiếu đối với các môn học và HS có sự nhận thức khó khăn đối với môn học. GV bộ môn kết hợp với tổ chuyên môn và Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H29-5.1-22]. Công tác bồi dưỡng HS giỏi được thực hiện đối với các môn văn hóa ở cả 3 cấp học. [H23-2.04-10]; [H24-2.04-10]. Đối với học sinh năng khiếu, các em được tham gia học tập các môn năng khiếu nghệ thuật như: vẽ, đàn, hát, múa; các môn năng khiếu thể thao như: Bóng đá, cầu lông, bóng chuyền,... [H23-2.4-06]; [H28-5.1-18]. Công tác phụ đạo HS yếu kém được thực hiện trong từng tiết học và các buổi phụ đạo buổi chiều.

Ngoài ra, phối hợp với tổ chức đoàn đội phát động phong trào thi đua “*Đôi bạn cùng tiến*”; giao các học sinh có lực học khá giỏi kèm các học sinh có lực học yếu kém, hoặc thành lập các câu lạc bộ [H29-5.2-04]. Tuy nhiên, một số học sinh chưa thực sự chủ động, sáng tạo trong học tập, khả năng vận dụng các kiến thức vào thực tế cuộc sống còn hạn chế.

Mức 3

Định kỳ hoặc đột xuất, BGH, Tổ trưởng tổ chuyên môn đã triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục và việc thực hiện nội dung chương trình giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV và HS [H21-1.8-01]. Bên cạnh đó, Ban giám hiệu, Tổ chuyên môn thường xuyên

thăm lớp dự giờ rút kinh nghiệm cho giáo viên [H18-1.7-09] [H19-1.07-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với từng thời điểm; đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

Nhà trường có chương trình mềm được tham khảo được thiết kế dựa trên những định hướng của chuyên gia đầu ngành trong nước và có tham khảo với các cơ sở giáo dục tiên tiến trong và ngoài nước.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa thực sự chủ động, sáng tạo trong học tập, khả năng vận dụng các kiến thức vào thực tế cuộc sống còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết; thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá để ra giải pháp nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

GV tăng cường dự giờ thăm lớp để học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp, đồng thời không ngừng học tập để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Nội dung: Khắc phục điểm yếu của HS trong việc tự học, tự lĩnh hội tri thức, khả năng vận dụng kiến thức.

- Biện pháp: Khuyến khích học sinh tích cực tham gia học tập, phát triển năng lực tự học, biết vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong đời sống..

- Thời gian: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và

rèn luyện.

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

a) Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Ngay từ đầu năm, Nhà trường tiến hành nắm bắt hoàn cảnh HS, tiến hành đánh giá học sinh thông qua hồ sơ tuyển sinh, để nắm bắt hoàn cảnh khó khăn trong học tập, phát hiện HS có năng khiếu hay tình trạng cụ thể của các em trong học tập và rèn luyện. [H29-5.2-01]; [H29-5.2-02]; [H23-2.4-06].

Từ kết quả điều tra, khảo sát ban đầu, phân loại được các đối tượng HS, Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể cho mỗi nhóm đối tượng đó cho phù hợp. Việc thực hiện kế hoạch đó được tổ chức như sau:

- Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Nhà trường có quy định miễn, giảm học phí cho HS theo các mức đã được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ [H17-1.6-13]; [H29-5.2-03].

- Đối với HS năng khiếu là các môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể thao..., nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng các môn năng khiếu đó cho HS, đồng thời thành lập các câu lạc bộ tương ứng để các em tham gia hàng tuần dưới sự hướng dẫn của giáo viên hoặc giáo viên cho học theo nhóm [H23-2.4-06]; [H23-2.4-07]; [H29-5.2-04]. Đối với các em có năng khiếu về học vấn, Nhà trường thành lập các đội tuyển ôn về văn hóa của tất cả các môn. Công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu cũng được chú trọng, phân công giáo viên hỗ trợ, giúp đỡ các em vươn lên đạt giải trong các kỳ thi [H23-2.04-10 (1)]; [H23-2.04-10 (2)].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn như:

- Miễn, giảm học phí cho HS có hoàn cảnh khó khăn theo mức quy định của Quy chế CTNB của TSE [H29-5.2-03].

- Đối với HS năng khiếu, Nhà trường tổ chuyên môn phân công GV hướng dẫn, ôn thi cho HS theo nguyện vọng và được tham gia các giải thi cấp trường và cấp tỉnh như: giải bơi cấp trường, thi thiết kế các sản phẩm mỹ thuật giữa các khối lớp, giải thể thao TSE mở rộng, Hội khỏe phù đồng cấp Tỉnh; thi học sinh giỏi [H29-5.2-05]; [H29-5.2-06]; [H29-5.2-06].

Ngoài ra, Nhà trường còn có 29 HS ở nội trú ngoài sự quan tâm của BGH, GV chủ nhiệm, Ban quản lí kí túc các em được lên lớp học từ 19 giờ 30 đến 21 giờ 30 dưới sự hướng dẫn của giáo viên phụ trách [H29-5.1-22]; [H29-5.2-08].

c) Cuối học kỳ, năm học, Nhà trường tổng kết việc thực hiện giảm học phí cho các nhóm đối tượng HS trong nhà trường [H29-5.2-03]. Đối với HS yếu kém phải cho thi, kiểm tra. Báo cáo kết quả học tập của những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, học sinh ở nội trú, học sinh tham gia các lớp học năng khiếu thông qua việc xếp loại hai mặt giáo dục học sinh, các hoạt động khác [H1-1.1-14]; [H6-1.5-03]; [H7-1.5-03].

Mức 2

Nhờ sự quan tâm sâu sát của Nhà trường và xã hội, đa số học sinh có hoàn cảnh khó khăn có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập, phụ huynh rất yên tâm khi có con được học tập tại trường [H1-1.1-14]; [H2-1.2-16]. Những học sinh tiêu biểu trong việc vượt khó học tập được tặng phần thưởng cuối năm học [H1-1.1-14]; [H2-1.2-15] (2). Học sinh có năng khiếu có cơ hội thuận lợi để phát huy năng khiếu, phấn đấu tốt trong các hoạt động và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch. Tuy nhiên, một số ít học sinh thực hiện chưa tốt nội dung ôn luyện của nhà trường nên kết quả học tập và rèn luyện chưa đạt như mong muốn.

Mức 3

Cùng với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, công tác phát hiện, bồi dưỡng HS giỏi được Nhà trường đặc biệt quan tâm và trở thành một trong những phong trào thi đua sôi nổi nhất trong các phong trào thi đua của toàn trường. Nhiều em học sinh đã tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, Olympic tài năng Tiếng Anh cấp tỉnh và đạt được giải cao, câu lạc bộ Tiếng Anh cấp trường [H2-1.2-14]; [H2-1.2-15] (2).

Năm học 2019-2020, Nhà trường mới chỉ có 01 HS giỏi. Nhưng đến năm 2021-2022, số lượng HS giỏi tăng 15 em ở nhiều môn học khác nhau như: Vật

lý, tiếng Anh, Địa lý...

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đảm bảo kịp thời và phù hợp với thực tế nhà trường, đảm bảo đầy đủ các nội dung và có tính khả thi.

Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi được đặc biệt quan tâm và đã giành những thành tích nổi bật

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh thực hiện chưa tốt nội dung ôn luyện của nhà trường nên kết quả học tập và rèn luyện chưa đạt như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, học sinh ở nội trú, học sinh có năng khiếu, đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường.

4.2. Khắc phụ điểm yếu

- Nội dung: Khắc phục điểm yếu trong tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, học sinh ở nội trú.

- Biện pháp: Chú trọng xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

- Thời gian: Có kết quả trong năm học.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội

dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

a) Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định nội dung giáo dục địa phương theo công văn số 5997/BGDĐT-GDTrH ngày 7/7/2008 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp THCS và THPT, góp phần thực hiện thành công mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học bắt buộc phải thực hiện nội dung giáo dục địa phương như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, GDCD (cấp THCS, THPT) và môn Lịch sử và Địa lí cấp TH [H30-5.3-01]; [HH30-5.3-02].

Từ khi thành lập, Trường Phổ thông Tuyên Quang đã làm rất tốt nội dung giáo dục địa phương: tham quan và tìm hiểu Khu di tích lịch sử Quốc gia Tân Trào: thông qua buổi tham quan thực tế thực hiện chương trình giáo dục địa phương giúp học sinh tìm hiểu, mở rộng kiến thức về các địa danh lịch sử của quê hương Tuyên Quang, hiểu rõ hơn về phong tục tập quán, nét văn hóa của dân tộc Tày, trải nghiệm cơm Lam - Nét văn hóa ẩm thực đặc sắc của người Tày, nuôi dưỡng tình yêu, niềm tự hào về truyền thống quê hương cho học sinh; tìm hiểu Lễ hội thành Tuyên; tìm hiểu và trải nghiệm thực tế Phố đi bộ Tuyên Quang; Tìm hiểu các điểm đến du lịch tỉnh Tuyên Quang; Tìm hiểu các nhà văn, nhà thơ lớn tỉnh Tuyên Quang [H30-5.3-03].

b) Trong quá trình giảng dạy phần nội dung giáo dục địa phương, GV trực tiếp giảng dạy đã có nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá HS về nhận thức nội dung chương trình giáo dục địa phương như: trong các tiết học, các hoạt động học của HS đều được GV kiểm soát đầy đủ có sự nhận xét, đánh giá từng HS hoặc nhóm HS... Những nội dung giáo dục địa phương được tổ chức dưới dạng chủ đề hoặc dưới dạng trải nghiệm sáng tạo... cũng đều được kiểm soát, đánh giá như: Học sinh được trình bày ý kiến, sự hiểu biết về vấn đề nổi bật trong môn học giáo dục địa phương mà các em vừa tìm hiểu; hay các em viết thành báo cáo, sau đó trình bày trước lớp...[H30-5.3-01]; [H30-5.3-02].

c) Hàng năm, vào cuối năm học Nhà trường tổ chức cho tổ Khoa học xã hội và tổ Tiểu học tiến hành họp tổ để rà soát lại nội dung, chương trình giáo

dục [H4-1.4-08 (2)]; [H5-1.4-08 (4)]. Trên cơ sở kế hoạch giáo dục, Nhà trường đã tự chủ từ năm học trước, những bất cập trong tổ chức dạy học được giáo viên ghi chép lại, nhóm chuyên môn triển khai thực hiện các nội dung sau: Rà soát nội dung chương trình, sách giáo khoa có nội dung giáo dục địa phương hiện hành để tiếp tục loại bỏ những kiến thức lạc hậu, không phù hợp (những số liệu quá cũ như: Số dân, GDP...); bổ sung cập nhật những thông tin mới, kiến thức phù hợp (Số liệu dân số, GDP, tình hình ô nhiễm môi trường (Địa lí), hoặc những bài văn hay mới xuất bản (Ngữ văn), hay những sự việc tình huống giao thông, trật tự an toàn xã hội (GD&ĐT)). Xử lý để không còn những nội dung kiến thức trùng nhau ở từng môn học và giữa các môn học trong phạm vi cấp học. Trong quá trình rà soát, bổ sung cập nhật thông tin mới, kiến thức phù hợp qua điều chỉnh, thay thế nội dung, bài tập, câu hỏi trong sách giáo khoa không phù hợp với mục tiêu của chương trình hoặc yêu cầu vận dụng kiến thức quá sâu, không phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lý lứa tuổi của học sinh; những nội dung trong sách giáo khoa chưa hợp lý, những nội dung không phù hợp với địa phương của nhà trường... Cấu trúc, sắp xếp lại nội dung dạy học giáo dục địa phương của từng môn học trong chương trình theo định hướng phát triển năng lực của học sinh, và điều kiện thực tế của nhà trường [H4-1.4-08 (2)]; [H5-1.4-08 (4)]. [H29-5.2-09].

Mức 2

Trong quá trình giảng dạy, GV bộ môn đã tổ chức dạy học các môn liên quan đến giáo dục địa phương đã xây dựng thành bài giảng thông qua các chủ đề phù hợp với mục tiêu môn học gắn liền với các sự kiện lịch sử, địa danh, ... trong tỉnh, với nhiều hình thức phong phú, tạo được hứng thú học tập, tăng sự hiểu biết và kích thích được tính sáng tạo và tự tìm hiểu nghiên cứu của học sinh [H30-5.3-03 (4)]; [H30-5.3-03 (5)].

Hàng năm, nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ, đảm bảo khách quan và hiệu quả các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định góp phần thực hiện mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học như: Lịch sử, Địa lý, GD&ĐT, Hoạt động GDNGLL và các giờ sinh hoạt lớp. Từ đó giáo dục các em lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương và dân tộc. Tuy nhiên, do đặc thù là trường phổ thông có nhiều cấp học nên việc tổ chức cho tất cả HS tham gia hoạt động tham quan thực tế các nội dung giáo dục địa phương gặp nhiều khó khăn, do thời gian và điều kiện tài chính của của nhà trường

2. Điểm mạnh

- Thực hiện, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT.

- Học sinh được tiếp cận những vấn đề rất thân thuộc, gần bó như tham quan một số di tích lịch sử tại địa phương nên phát huy được vốn hiểu biết của mình qua giáo dục địa phương. Từ đó giáo dục các em lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương và dân tộc.

3. Điểm yếu

Do đặc thù là trường phổ thông có nhiều cấp học nên việc tổ chức cho tất cả HS tham gia hoạt động tham quan thực tế các nội dung giáo dục địa phương gặp nhiều khó khăn, do thời gian và điều kiện tài chính của của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục nghiên cứu đổi mới hình thức chuyển tải nội dung giáo dục địa phương có sức hấp dẫn hơn để học sinh tham gia một cách hứng thú, tự nguyện.

Tiếp tục bổ sung tư liệu giáo dục địa phương trong thư viện để HS có điều kiện đọc, tìm hiểu.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Nội dung: Khắc phục điểm yếu trong thực hiện tham quan thực tế các nội dung giáo dục địa phương.

- Biện pháp: Xây dựng nguồn kinh phí, tổ chức nhiều đợt tham quan thực tiễn cho các em về nét đẹp quê hương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các địa phương khác.

- Thời gian: Có kết quả trong năm học.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhằm thực hiện đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”, Nhà trường đã có phương hướng, biện pháp để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo qui định tùy theo tình hình thực tế [H30-5.4-01; [H17-1.7-05]. Trong 02 năm vừa qua, Nhà trường đã ban hành kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp năm học qua đó xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức tổ chức và tổ chức thực hiện [H30-5.4-02].

Trong kế hoạch tổ chức trải nghiệm, hướng nghiệp trường Phổ thông Tuyên Quang đã xác định rõ nội dung của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cụ thể là:

- Lồng ghép vào các môn học như: Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Lịch sử, Địa lý, GDCD, Ngữ văn...

- Trải nghiệm, hướng nghiệp trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Đối với nội dung này căn cứ vào tình hình thực tế Nhà trường đã có những kế hoạch cụ thể như: Tổ chức dạy nghề cho HS khối THPT, Tổ chức các câu lạc bộ, Tổ chức trải nghiệm, hướng nghiệp trong các tiết chào cờ [H23-2.2-07]; [H26-4.1-09]; [H29-5.2-04]; [H30-5.4-02]; [H30-5.4-04].

b) Trong 02 năm vừa qua, Nhà trường đã tổ chức thực hiện tốt kế hoạch tổ chức trải nghiệm và hướng nghiệp cho HS cụ thể:

- Đối với những nội dung giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp được tích hợp trong một số môn học, hoạt động giáo dục được tổ chức qua các tiết học ở các môn học cụ thể hoặc các hoạt động ngoại khóa, đã thu hút nhiều em tham gia, tạo cho các em một sân chơi bổ ích qua các tiết học và hoạt động [H30-5.4-03]; [H27-5.1-13]; [H28-5.1-18]; [H29-5.2-10]; [H30-5.4-05].

- Đối với các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ngoài giờ lên lớp được Nhà trường tổ chức đa dạng dưới nhiều hình thức như: Thông qua tiết chào cờ đầu tuần; thông qua hoạt động của các câu lạc bộ; thông qua các tiết sinh hoạt

lớp... [H30-5.4-04] [H30-5.4-06]. Đặc biệt, Nhà trường đã phối hợp cùng Hội cha mẹ học sinh đã tổ chức hoạt động trải nghiệm lịch sử văn hóa cho học sinh khối THCS [H5-5.3-03 (4)]. Nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho HS, Nhà trường đã tổ chức lễ kết nạp Đội viên cho HS tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào-Sơn Dương-Tuyên Quang, tại đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, thông qua các hoạt động đó đã giúp học sinh có những hiểu biết cơ bản về lịch sử cách mạng, tự hào truyền thống cách mạng của cha ông, có thêm những trải nghiệm về mảnh đất lịch sử, giàu truyền thống cách mạng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi đội viên, góp phần xây dựng tổ chức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường ngày càng vững mạnh [H30-5.3-03 (4)].

- Đối với công tác hướng nghiệp, Nhà trường đã chỉ đạo, tổ chức Dạy nghề Phổ thông theo kế hoạch cho HS khối THPT theo đúng chủ đề và thời lượng, triển khai hiệu quả với chương trình Tin học cơ bản và nâng cao, qua đó HS đã dụng thành thạo một số phần mềm cơ bản, có kỹ năng sử dụng máy tính từ đó định hướng HS tìm hiểu, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với trình độ, năng lực từng cá nhân [H23-2.2-07].

c) Căn cứ vào kế hoạch tổ chức các hoạt động, Nhà trường đã có sự phân công cụ thể cho CB, GV, NV nhà trường tham gia phụ trách, phối hợp thực hiện hiệu quả kế hoạch đã đề ra. Đối với các hoạt động trải nghiệm ngoài Trường luôn có sự tham gia của BGH, GV chủ nhiệm, các GV có liên quan, Đoàn thanh niên, Đội TNTP Hồ Chí Minh, trong các hoạt động đó luôn có sự tham gia ít nhất của 02 phụ huynh HS/lớp [H30-5.3-03]; [H1-1.1-14]. Đối với hoạt động hướng nghiệp, Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn căn cứ vào năng lực của GV để phân công chuyên môn cho các GV thực hiện dạy học tích hợp trong các môn học hoặc trực tiếp dạy nghề theo kế hoạch [H23-2.2-07].

Mức 2

a) Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, Nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp phong phú, đa dạng, có sự sáng tạo trong hình thức, phương pháp tổ chức, phù hợp tâm lý lứa tuổi HS. Các hoạt động trải nghiệm theo từng môn học, gắn liền với hoạt động chuyên môn được định kỳ tổ chức theo quy mô lớp, khối lớp hoặc toàn trường do các tổ chuyên môn thực hiện theo kế hoạch đầu năm học [H30-5.4-02]; [H30-5.3-03]; [H30-5.4-06]. Ngoài ra, BGH còn chỉ đạo Đoàn thanh niên, Đội TNTP Hồ Chí Minh phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn liền với sinh hoạt chủ đề, chủ điểm, nhân các ngày lễ lớn [H26-4.2-04 (10)]; [H26-4.2-04]; [H30-5.3-03]. Sự hình thành và phát triển của các Câu lạc bộ theo

sở thích theo hướng tự quản trong HS là nét nổi bật, độc đáo trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo của Nhà trường thời gian qua [H30-5.4-04]. Phần lớn HS trong Trường năng động, sáng tạo chủ động trong việc tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ HS chưa sự chủ động trong việc tìm hiểu, lựa chọn ngành nghề tương lai cho bản thân, đi theo định hướng của gia đình.

Ngoài hoạt động hướng nghiệp được tổ chức dưới hình thức tích hợp trong các môn học cụ thể, Nhà trường đã tổ chức dạy nghề cho HS khối THPT từ đó định hướng HS tìm hiểu, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với trình độ, năng lực từng cá nhân [H23-2.2-07].

Đặc biệt TSE là một đơn vị của trường ĐHTT, nên trong một số hoạt động của trường ĐHTT HS của Nhà trường cũng được tham gia đây cũng chính là một hình thức trải nghiệm hướng nghiệp thiết thực.

b) Sau mỗi học kì các Tổ chuyên môn, Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thể hiện qua các báo cáo sơ kết, tổng kết của Nhà trường, từ đó đề ra giải pháp cho việc thực hiện các hoạt động và thời gian tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn [H1-1.1-14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường kịp thời ban hành các văn bản và chỉ đạo thực hiện xuyên suốt năm học hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hướng nghiệp.

Hoạt động trải nghiệm, sáng tạo được tổ chức đa dạng, phong phú, hình thức sáng tạo, phù hợp tâm lí lứa tuổi, có sự tham gia ủng hộ tích cực của học sinh, phụ huynh HS và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một bộ phận nhỏ HS chưa sự chủ động trong việc tìm hiểu, lựa chọn ngành nghề tương lai cho bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục duy trì xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh đúng quy định và phù hợp với điều kiện nhà trường.

Phân công cụ thể, huy động tất cả giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Nội dung: Khắc phục điểm yếu trong việc tìm hiểu, lựa chọn ngành nghề tương lai cho HS.

- Biện pháp: Đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn, hướng dẫn học sinh trong việc nhận thức, định hướng nghề cho bản thân. Phối hợp với các tổ chức ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục nghề cho học sinh, với hình thức tổ chức phong phú, phù hợp tâm lí lứa tuổi, tạo sự cuốn hút.

- Thời gian: Từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

a) Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục HS hình thành, phát triển kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và

hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa và Công văn số 463/BGDĐT-GDĐT ngày 28/01/2015 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên [H17-1.7-05]. Việc giáo dục kỹ năng sống được tiến hành thông qua các hoạt động giáo dục của Nhà trường như: lồng ghép trong các môn học chính khóa, sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục ngoài giờ lên lớp, các trò chơi dân gian, các hoạt động tập thể, hoạt động của Đoàn thanh niên, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

Năm học 2020-2021, Nhà trường phối hợp với Công an Huyện Yên Sơn, phòng CSGT tỉnh Tuyên Quang tổ chức chương trình ngoại khóa về “ An toàn Giao thông”, “An ninh mạng” [H21-1.10-18]. Tổ chức 2 chương trình giáo dục Kỹ năng sống : “Về phòng chống bạo lực học đường, kỹ năng tự bảo vệ bản thân”, Kỹ năng về “ Xử lý các tình huống nguy hiểm gặp phải, cũng như nếp sống văn minh khi sử dụng các phương tiện giao thông công cộng” [H21-1.10-19]. Bên cạnh đó, trong chương trình mềm của Nhà trường còn đưa vào giảng dạy tiết kỹ năng sống với thời lượng 01 tiết/tuần ở tất cả các lớp, thông qua các tiết học thiết thực như: kỹ năng ứng phó khi bị hóc dị vật, kỹ năng vệ sinh răng miệng... qua đó HS cũng có những kỹ năng sống cơ bản [H30-5.5-01].

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục như:

Qua các nội dung, biện pháp giáo dục hình thành, phát triển kỹ năng sống cho HS đã có những chuyển biến tích cực, việc chấp hành tốt an toàn giao thông như đi xe đạp điện đội mũ bảo hiểm [H30-5.5-02]; sự hiểu biết về giới tính cũng như sức khỏe sinh sản vị thành niên được các em nhất là học sinh nữ thường tâm sự với giáo viên những khó khăn của các em [H30-5.5-03]; thực hiện nghiêm túc việc không sử dụng ly nhựa, túi ni lông trong nhà trường, biết giữ gìn vệ sinh môi trường trong lớp, trong nhà trường [H30-5.5-04]; quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, đặc biệt là luật An ninh mạng cho học sinh có chuyển biến tích cực em [H1-1.1-14].

c) Nhà trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện về đạo đức, lối sống của HS thông qua những tiết chào cờ, các hoạt động ngoại khóa, lồng ghép vào những tiết dạy về hình thành nhân cách, về lối sống, về truyền thống văn hóa dân tộc cho các em, từ đó giúp các em hoàn thiện hơn đạo đức, hiểu sâu hơn về truyền thống văn hóa của quê hương Tuyên Quang và dân tộc Việt Nam [H1-1.1-14].

Mức 2

a) Thông qua các hoạt động giáo dục, giáo viên đã hướng dẫn HS biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện. Theo học kì, Nhà trường, GV chủ nhiệm triển khai, hướng dẫn học sinh tự đánh giá xếp loại hạnh kiểm, học lực theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh THCS, THPT; cuối mỗi học kỳ, GV chủ nhiệm tổ chức cho HS viết bản kiểm điểm, tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đạo đức, tổ chức thảo luận đánh giá trước tập thể lớp để mọi HS trong lớp được đóng góp, nhận xét lẫn nhau nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của mỗi học sinh [H8-1.5-05]; [H8-1.5-05]; [H30-5.5-05].

Đối với GV bộ môn, thông qua bài kiểm tra sau khi chấm điểm xong GV sẽ trả bài và hướng dẫn HS tự biết đánh giá kết quả học tập của mình qua bài kiểm tra để rút kinh nghiệm và có phương hướng học tập phù hợp.

b) Học sinh có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống, từng bước hình thành, hoàn thiện và phát triển năng lực bản thân

Học sinh nhà trường từng bước vận dụng kiến thức vào thực tiễn bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức và việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày như: làm bài thực hành, làm thí nghiệm, tham gia thi khoa học kỹ thuật, hoàn thành các sản phẩm học tập,... Đặc biệt, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế của HS TSE được minh chứng qua các sản phẩm tham gia dự thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, tham gia “Cuộc thi vẽ tranh Quốc tế Toyota lần thứ 9”, nhiều em đã tự tin tham gia các hội thảo quốc tế, một số HS nhà trường đã điều hành, tổ chức triển khai các dự án hoạt động thiện nguyện xã hội thông qua hoạt động của câu lạc bộ mang lại hiệu quả cao như: Dự án "của em Đỗ Trần Diễm Mai lớp 12A" [H23-2.2-08]; H30-5.5-06]; [H30-5.5-06]; [H2-1.2-15 (2)]; [H30-5.5-07]; [H29-5.1-20 (3)]; [H30-5.5-07].

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo

người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn, cụ thể:

Trên cơ sở có sự hướng dẫn của GV, bước đầu HS đã có khả năng nghiên cứu khoa học - công nghệ. Nhà trường phân công giáo viên phụ trách và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, công nghệ được thể hiện rất cụ thể trong hồ sơ thi khoa học kỹ thuật [H30-5.5-08]. Năm học 2020-2021 trường có 02 em học sinh lớp 11 tham gia kì thi sáng tạo khoa học cấp Tỉnh với đề tài “Nghiên cứu thành phần hóa học và tạo chế phẩm kháng viêm từ cao chiết lá cây vú bò (FICUS HURTA VAHL) thu hái tại Tuyên Quang” kết quả đạt giải Nhì [H2-1.2-15 (2)]. Tuy nhiên, số lượng HS tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Học sinh chủ động trong công tác tự đánh giá, xếp loại bản thân, tự tin trong các hoạt động giáo dục và giao tiếp, có kỹ năng tự quản lý bản thân.

Học sinh tham gia nghiên cứu khoa học trong các năm gần đây đều đạt được nhiều giải và số lượng tăng dần theo các năm.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác rèn kỹ năng sống qua việc tích hợp vào các môn học và qua các tiết sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đoàn, Đội và các buổi học ngoại khóa. Tăng cường tuyên truyền các chủ đề về kỹ năng sống cho học sinh.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn HS tham gia NCKH. Xây dựng cơ chế động viên, khen thưởng kịp thời những em có thành tích trong công tác NCKH, tham gia các hoạt động xã hội.

- Thời gian: Có kết quả trong năm học.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch.
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch.
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, cụ thể:

Hàng năm, kết quả đánh giá xếp loại hạnh kiểm và học lực đạt chỉ tiêu đặt ra theo kế hoạch đầu năm học [H17-1.7-04]; [H1-1.1-14]. Cụ thể qua sơ đồ sau:

* Khối Tiểu học: (Bảng 1)

Năm học	Môn học và Hoạt động giáo dục					
	Kế hoạch			Kết quả		
	HTXS	HTT	HT	HTXS	HTT	HT
2019-2020	40%	30%	30%	42%	31%	27%
2020-2021	42%	30%	28%	42%	31%	27%

*Khối Trung học:

Bảng 2: Bảng so sánh kế hoạch và kết quả đạt được về hạnh kiểm của HS TSE

Năm học	Khối	Hạnh kiểm							
		Kế hoạch				Kết quả			
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu
2019-2020	THCS	65%	30%	5%	0%	63,2%	31,6%	5,2%	0%

	THPT	70%	20%	10%	0%	70,9%	20,0%	9,1%	0%
2020-2021	THCS	80%	15%	5%	0%	82,9%	16,0%	1,1%	0%
	THPT	50%	10%	40%	0%	59,8%	34,0%	6,2%	0%

Bảng 3: Bảng so sánh kế hoạch và kết quả đạt được về học lực của HS TSE

Năm học	Khối	Học lực									
		Kế hoạch					Kết quả				
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
2019-2020	THCS	20%	45%	35%	0%	0%	23,0%	47,7%	29,3%	0%	0%
	THPT	15%	50%	35%	0%	0%	12,7%	58,2%	27,3%	1,8%	0%
2020-2021	THCS	15%	50%	35%	0%	0%	21,4%	65,2%	13,4%	0%	0%
	THPT	15%	45%	40%	0%	0%	14,4%	51,5%	33,0%	1,1%	0%

Qua bảng 1: Số học sinh bậc Tiểu học Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập các môn học và Hoạt động giáo dục hàng năm tăng so với kế hoạch.

Như vậy, qua bảng 2 và bảng 3 cho thấy kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của HS TSE trong 2 năm tự đánh giá đạt yêu cầu so với kế hoạch đề ra. Đặc biệt tỷ lệ HS xếp loại học lực Giỏi: khối Tiểu học tăng 4%, khối THCS tăng 7%, khối THPT tăng 2,4%.

b) Từ năm học 2019-2020 đến nay, Nhà trường luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, quan tâm và thường xuyên kiểm tra đánh giá chất lượng giờ dạy của GV ở các môn học. Do đó tỷ lệ HS tốt nghiệp và lên lớp luôn đạt và vượt mức so với kế hoạch đã đề ra [H17-1.7-04]; [H1-1.1-14]; [H30-5.6-01]; [H30-5.6-02]; [H30-5.6-03] Cụ thể:

Bảng 4: Tỷ lệ HS tốt nghiệp và lên lớp trường Phổ thông Tuyên Quang

Năm học	Khối	Tỷ lệ HS tốt nghiệp %		Tỷ lệ HS lên lớp thẳng %		Tỷ lệ HS lên sau khi kiểm tra lại %	
		Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả
2019-2020	Tiểu học	100	100	100	100	100	100
	THCS	100	100	100	100	100	100
	THPT	0	0	100	100	100	100
2020-	Tiểu học	100	100	100	100	100	100

2021	THCS	100	100	100	100	100	100
	THPT	100	100	100	100	100	100

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, cụ thể:

Nhà trường đã có nhiều giải pháp trong công tác định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh lớp 9 và lớp 12 sau tốt nghiệp THCS, THPT. Vì vậy, trong 02 năm học không có học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp THCS nghỉ học; học sinh lớp 12 tốt nghiệp năm học 2020 – 2021 đi học đại học, học nghề phù hợp với yêu cầu xã hội đạt trên 80% đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra [H17-1.7-04]; [H1-1.1-14]; [H30-5.6-01]; [H30-5.6-02]; [H30-5.6-03].

Mức 2

a) Trong 02 năm liền kê kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh đã có sự chuyển biến tích cực [H1-1.1-14]; [H2-1.2-16].

* Bậc Tiểu học

Năm học	Tổng số HS	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019-2020	143	60	42%	45	31%	38	27%	0	0
2020-2021	144	60	42%	45	31%	39	27%	0	0

* Bậc THCS

Năm học	Tổng số HS	Hạnh kiểm				Học lực				
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
2019-2020	174	110 (63,2%)	55 (31,6%)	9 (5,2%)	0 (0%)	40 (23%)	83 (47,7%)	51 (29,3%)	0 (0%)	0 (0%)
2020-2021	187	155 (82,9%)	30 (16,0%)	2 (1,1%)	0 (0%)	40 (21,4%)	122 (65,2%)	25 (13,4%)	0 (0%)	0 (0%)

* **Bậc THPT**

Năm học	Tổ ng số HS	Hạnh kiểm				Học lực				
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
2019-2020	55	39 (70,9 %)	11 (20,0 %)	5 (9,1 %)	0 (0 %)	7 (12, 7%)	32 (58,2 %)	15 (27,3%)	1 (1,8 %)	0 (0%)
2020-2021	97	58 (59,8 %)	33 (34 %)	6 (6,2 %)	0 (0 %)	14 (14, 4 %)	50 (51,5 %)	32 (33,0 %)	1 (1,1 %)	0 (0%)

Như vậy, trong 02 năm liên tiếp nhà trường không có học sinh bị kỷ luật, vi phạm pháp luật; kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực; tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi; hạnh kiểm khá, tốt được duy trì và tăng lên hàng năm.

b) Trong 02 năm liên tiếp, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS, THPT, hoàn thành chương trình Tiểu học luôn duy trì mức 100%. Trong đó số HS tốt nghiệp THCS loại Khá, Giỏi của nhà trường có sự chuyển biến tích cực, cụ thể:

- Năm học 2019-2020: HS tốt nghiệp loại Giỏi: 3; Khá: 8; TB: 9. [H1-1.01-14].

- Năm học 2020-2021: HS tốt nghiệp loại Giỏi: 8; Khá: 22; TB: 3. HS tốt nghiệp loại giỏi tăng 9% so với năm học 2019-2020 [H1-1.1-14]; [H30-5.6-01]; [H30-5.6-02]; [H30-5.6-03].

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh trong 02 năm là [H1-1.1-14]; [H30-5.6-01]; [H30-5.6-02]; [H30-5.6-03].

* **Năm học: 2019-2020:**

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường: Khối THCS: Đạt 23,0%; Khối THPT: Đạt 12,7%.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường: Khối THCS: Đạt 47,7%; Khối THPT: Đạt 58,2%

- Khối tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%

- Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100%
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường: là 1,8%.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường: Khối THCS đạt 94,8%; Khối THPT đạt 90,9%.

*** Năm học: 2020-2021:**

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường: Khối THCS: Đạt 21,4%; Khối THPT: Đạt 14,4%.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường: Khối THCS: Đạt 65,2%; Khối THPT: Đạt 51,6%
- Khối tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%
- Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100% .
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường: là 1.1%.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường: Khối THCS đạt 98,9%; Khối THPT đạt 93,8%.

b) Trong 02 năm liền kề nhà trường không có học sinh bỏ học [H1-1.05-03] (Sổ chủ nhiệm). Tuy nhiên, Do một số học sinh ý thức học tập chưa cao, còn ham chơi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế hoặc bố mẹ chia tay nhau nên dễ dẫn đến tình trạng chuyển trường, gây khó khăn cho việc duy trì sĩ số.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, kết quả đánh giá xếp loại hạnh kiểm và học lực đạt chỉ tiêu đặt ra theo kế hoạch đầu năm học; tỉ lệ HS lên lớp, tỉ lệ tốt nghiệp ổn định, đạt chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ đề ra hàng năm. Tỉ lệ HS xếp học lực loại giỏi và hạnh kiểm loại tốt tăng lên hàng năm, tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp được nâng lên.

3. Điểm yếu

Vẫn còn có tình trạng chuyển trường, gây khó khăn cho việc duy trì sĩ số.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4.1. Duy trì, phát huy điểm mạnh

BGH nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên thường xuyên, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp đối tượng học sinh để nâng cao chất lượng dạy học và kết quả tốt nghiệp.

4.2. Khắc phục điểm yếu

- Biện pháp:

Xây dựng mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với phụ huynh HS để có biện pháp giáo dục HS kịp thời, hiệu quả, hạn chế HS chuyển trường.

- Tài lực, vật lực: Kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị.
- Thời gian: Có kết quả trong năm học.
- Kiểm tra: Hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện thường xuyên 03 lần/năm.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

*** Điểm mạnh:**

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Tuyên Quang, phòng GD&ĐT huyện Yên Sơn và các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý. Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự học tập tích cực, chủ động sáng tạo và ý thức vươn lên của học sinh. Kết hợp với các tổ chức Đoàn, Đội thường xuyên giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm giáo dục học sinh phát triển một cách toàn diện. Tổ chức dạy nghề, hướng nghiệp cho học sinh giúp các em có định hướng cụ thể trong việc lựa chọn nghề trong tương lai. Chất lượng học sinh luôn được nhà trường quan tâm đúng mức nên kết quả xếp loại hai mặt giáo dục và tỉ lệ học sinh giỏi được nâng lên sau từng năm học.

*** Điểm yếu:**

Do đặc thù là trường phổ thông có nhiều cấp học nên việc tổ chức cho tất cả HS tham gia hoạt động tham quan thực tế các nội dung giáo dục địa phương gặp nhiều khó khăn, do thời gian và điều kiện tài chính của của nhà trường.

Bên cạnh đó, một số học sinh chưa thực sự chủ động, sáng tạo trong học tập, khả năng vận dụng các kiến thức vào thực tế cuộc sống còn hạn chế; chưa chủ động trong việc lựa chọn, định hướng nghề nghiệp.

Đánh giá Tiêu chuẩn 5:

*** Về tiêu chí:**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6
- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

* Về chỉ số:

- Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 31/33 chỉ số
- Số lượng các chỉ số không đạt yêu cầu: 2 chỉ số
- + Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6
- + Số tiêu chí đạt: 6
- + Số tiêu chí không đạt: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định [H17-1.7-05].

Tuy nhiên trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của Nhà trường, Nhà trường đã thực hiện liên kết với các đối tác quốc tế ở nước ngoài hoặc các cơ sở giáo dục quốc tế tại Việt Nam, đồng thời mời tư vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục phổ thông để giúp nhà trường phát triển đúng định hướng của chương trình mầm [H29-5.1-20]; [H29-5.1-21].

2. Điểm mạnh: Đã có sự tham gia ý kiến của chuyên gia, GV nước ngoài khi thực hiện kế hoạch giáo dục của Nhà trường.

3. Điểm yếu: Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, Lãnh đạo nhà trường tham khảo nội dung chương trình tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới để vận dụng những nội dung phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Do đặc thù của mô hình trường, TSE không có nhiều học sinh khó khăn. Tuy nhiên, nhà trường mới hoạt động được hơn 2 năm nên chưa thật sự làm được một cách có hệ thống để bồi dưỡng học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan. Một số giáo viên chưa tổ chức được tốt các hình thức dạy học theo định hướng theo phát triển năng lực của học sinh.

2. Điểm mạnh

Một số GV tích cực đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học, phát huy năng khiếu của HS; quan tâm, phối hợp cùng các tổ chức xã hội tạo điều kiện cho HS có năng khiếu được tham gia môi trường học tập tốt.

3. Điểm yếu

Vẫn còn GV trẻ chưa biết lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học theo định hướng theo phát triển năng lực của học sinh, phát huy năng khiếu, sở trường cho học sinh do năng lực chuyên môn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Lãnh đạo nhà trường tăng cường tập huấn bồi dưỡng, tổ chức chuyên đề, tạo điều kiện để GV được tham quan, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm với những đơn vị trong và ngoài tỉnh thực hiện tốt việc tổ chức dạy học theo định hướng theo phát triển năng lực của học sinh.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà trường có xây dựng kế hoạch tham gia các cuộc thi HSG, thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh; mỗi năm trường đều có ít nhất sản phẩm, dự án dự thi và đạt giải cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, đồng thời kết quả thi HSG của Nhà trường tăng từ 01 giải trong năm học 2019-2020, lên 15 giải trong năm học 2020-2021 [H23-2.04-10 (1)]; [H30-5.5-08]; [H2-1.2-15 (2)].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng giáo dục, rèn luyện HS theo định hướng phát triển năng lực thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Một số HS chưa tích cực, chủ động trong việc tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, nên số lượng HS tham gia nghiên cứu khoa học còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục quan tâm và chú trọng công tác nghiên cứu khoa học trong học sinh; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên tìm nhiều biện pháp, khuyến khích học sinh tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện trường ĐHTT đã đạt tiêu chuẩn theo kết quả công nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học năm 2019. Trường Phổ thông Tuyền Quang sử dụng chung tài nguyên của trường đại học nên thừa hưởng kết quả Kiểm định chất lượng của Trường ĐHTT.

Với tổng diện tích sử dụng của Trung tâm Thông tin - Thư viện là trên 600 m² gồm 01 phòng đọc mở, 01 phòng truy cập dữ liệu, 02 phòng mượn; 02 kho sách dùng phục vụ bạn đọc và 01 kho sách dùng để lưu trữ, 03 phòng làm việc của cán bộ, nhân viên thư viện [H25-3.1-01 (7)]; [H25-3.2-05]; [H25-3.6-01]. Thư viện có đầy đủ giáo trình, sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hiện nay, Thư viện có trên 6000 đầu sách, hơn 180.000 bản sách, trong đó sách nghiệp vụ cho các cấp từ Tiểu học đến Trung học phổ thông gần 600 đầu sách, hơn 16.000 bản sách; số lượng báo, tạp chí được cập nhật theo nhu cầu của bạn đọc [H25-3.6-01]. Thư viện có kết nối với Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên và nhiều trường đại học khác trong nước và kết nối quốc tế với Trường Đại học Northern Philippines [H25-

3.6-02]. Ngoài ra, Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây sử dụng miễn phí, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Thư viện nhà trường có đầy đủ giáo trình, sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Thư viện của Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet để khai thác tài liệu số hóa với các thư viện lớn trong và ngoài nước.

3. Điểm yếu:

Diện tích để tạo khu vực thư viện thân thiện, thư viện xanh còn hạn chế, chưa thật sự rộng rãi để HS vừa đọc sách vừa chơi một cách thoải mái.

Tiếp tục duy trì tốt các hoạt động thư viện, thường xuyên bổ sung sách vở, tài liệu. Khai thác tốt kết nối với các thư viện số của các trường học trong nước và quốc tế.

Xem xét sắp xếp khu vực do thư viện quản lý để mở rộng diện tích khu vực đọc sách tạo nơi đọc sách thân thiện, thư viện xanh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì tốt các hoạt động thư viện, thường xuyên bổ sung sách vở, tài liệu. Khai thác tốt kết nối với các thư viện số của các trường học trong nước và quốc tế.

Xem xét sắp xếp khu vực do thư viện quản lý để mở rộng diện tích khu vực đọc sách tạo nơi đọc sách thân thiện, thư viện xanh.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Đến thời điểm tự đánh giá, Nhà trường mới đi vào hoạt động được 03 năm, vì vậy Nhà trường mới hoàn thành được một số mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường như nâng chất lượng giáo dục, hạn chế học sinh bỏ học, tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp, tỉ lệ học sinh giỏi tăng dần qua các năm, đã có những sản phẩm nghiên cứu khoa học của GV đạt mục tiêu là Có ít

nhất 3-5 bài báo khoa học/năm công bố trên các Tạp chí khoa học [H1-1.1-01]; [H30-5.6-01]; [H30-5.6-02]; [H30-5.6-03]; [H2-1.2-15 (2)].

2. Điểm mạnh:

Trong 02 năm qua, nhà trường đã hoàn thành được một số mục tiêu phát triển theo chiến lược phát triển trường PTTQ giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030.

3. Điểm yếu:

Chưa đủ thời hạn đánh giá 5 năm liên tục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch và giải pháp để thực hiện tốt các hoạt động của TSE theo Chiến lược đã ban hành.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn chú trọng nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện bằng nhiều biện pháp tích cực trong công tác quản lý, xây dựng kế hoạch chỉ đạo triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình đơn vị, quan tâm đội ngũ giáo viên, chú trọng đổi mới quản lý, giáo dục nên kết quả giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021 Nhà trường được trường ĐHTT công nhận là tập thể lao động tiên tiến.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực đổi mới công tác quản lý, giáo dục nên kết quả giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực.

3. Điểm yếu

Vì mới được thành lập 03 năm nên việc đánh giá các kết quả giáo dục và các hoạt động khác của Nhà trường so với các trường trong tỉnh chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản lý, xây

dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ, xác định các khâu ưu tiên để có những đột phá trong công tác giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6

+ Số tiêu chí đạt: 02

+ Số tiêu chí không đạt: 04

IV. KẾT LUẬN CHUNG

Kể từ khi thành lập, Trường Phổ thông Tuyên Quang đã không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, khẳng định vị thế và uy tín, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục theo đúng Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục mà Nhà trường đã công bố.

Trong suốt quá trình tự đánh giá, nhà trường đã huy động các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường, cùng với các thành viên Hội đồng tự đánh giá đã tích cực làm việc theo kế hoạch kiểm định đã đề ra kết quả trong báo cáo tự đánh giá đã khẳng định những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong 02 năm học vừa qua về công tác quản lý, quản trị và tổ chức nhà trường; về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; công tác quản lý tài chính và CSVC; sự phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh học sinh.

Kết quả giáo dục học sinh đã phản ánh chính xác, khách quan chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong 02 năm qua tỷ lệ HS giỏi, HS tiên tiến tăng dần qua từng năm. Đó là nguồn động viên, niềm tự hào của mỗi thầy, cô giáo và học sinh khi được giảng dạy và học tập tại trường. Điều này khẳng định được uy tín và chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên rõ rệt.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng và tỷ lệ các chỉ số đạt và không đạt cả 3 mức:

Đạt: 142/154 chiếm 92,2%

Không đạt: 12/154 chiếm 7,8%

- Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt và không đạt:

Mức 1:

Đạt: 5/28 chiếm 18%

Không đạt: 0

Mức 2:

Đạt: 8/28 chiếm 29%

Không đạt: 20/28 chiếm 71%

Mức 3:

Đạt: 14/28 chiếm 50%

Không đạt: 14/28 chiếm 50%

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4;

+ Đạt 2 chiếm 33%;

+ Không đạt 4 chiếm 67%;

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 1.

Với kết quả tự đánh giá về 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Trường Phổ thông Tuyên Quang đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Bá Đức